

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 24 6269 0481 - Fax: (+84) 24 6269 0484

Website: <https://fecon.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

THÔNG DIỆP ĐẦU NĂM 2025 1

I. THÔNG TIN CHUNG..... 3

1. Thông tin khái quát..... 3

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 4

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... 5

4. Định hướng phát triển..... 9

5. Nhìn nhận các rủi ro..... 12

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM..... 14

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 14

2. Tổ chức và nhân sự..... 15

3. Tình hình thực hiện các dự án thi công và các dự án đầu tư..... 21

4. Tình hình tài chính 25

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... 26

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 28

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... 32

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 32

2. Tình hình tài chính 33

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 33

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2025 33

3. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần) 35

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty 36

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... 36

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty..... 36

2. Đánh giá hệ thống và hoạt động của Ban Tổng giám đốc 37

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2025 39

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 43

1. Hội đồng quản trị..... 43

2. Ban kiểm soát 47

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát..... 48

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 50

1. Ý kiến kiểm toán 50

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 50

THÔNG DIỆP ĐẦU NĂM 2025

Năm 2024 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu và trong nước. Dù những dấu hiệu phục hồi đã xuất hiện, nhưng tác động của lãi suất, lạm phát cùng sự biến động của thị trường tài chính và bất động sản vẫn là những áp lực lớn đối với các doanh nghiệp. Rất nhiều ngành nghề bị ảnh hưởng, trong đó phải kể đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản. Các yếu tố như chi phí nguyên vật liệu tăng cao, nguồn cung hạn chế và sự không ổn định của thị trường tài chính đã tạo ra một môi trường kinh doanh đầy khó khăn, khiến nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với tình trạng trì trệ trong hoạt động và giảm sút lợi nhuận.

Không nằm ngoài tình hình chung của thị trường, là một doanh nghiệp xây dựng và bất động sản, FECON cũng đã trải qua một năm khó khăn và đầy thử thách. Mặc dù Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã nỗ lực trên cả sức mình, nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của FECON không đạt kế hoạch đề ra. Trong toàn hệ thống chỉ có công ty mẹ và một vài công ty thành viên bao gồm FECON Invest, Công ty cọc và xây dựng FECON, FECON Hải Đăng có lợi nhuận không đáng kể. Kết quả năm 2024 đã không đáp ứng được kỳ vọng cổ đông và thấp hơn nhiều so với mục tiêu ban đầu đề ra.

Tình hình cạnh tranh trên thị trường xây dựng khốc liệt hơn bao giờ hết do các doanh nghiệp xác định mục tiêu có dự án để tồn tại qua giai đoạn khó khăn thay vì mục tiêu lợi nhuận. Các hợp đồng nổi bật FECON đã ký kết và triển khai trong năm 2024 như: Dự án trụ sở một số cơ quan thuộc Bộ Công An, Dự án điện khí Nhơn Trạch 3,4, Dự án hạ tầng Cảng Lạch Huyện 5-6 Hải Phòng, Dự án Cảng Mỹ Thủy Quảng Trị, Khu đô thị Hà Khánh Quảng Ninh, Trụ sở Công An tỉnh Quảng Ninh,... đã giúp công ty duy trì hoạt động và vượt qua giai đoạn vô cùng khó khăn về dòng tiền.

Đối với hoạt động đầu tư, năm 2024 là một cột mốc quan trọng khi hàng loạt các văn bản pháp luật liên quan có hiệu lực như: Luật đất đai 2024, Luật kinh doanh Bất động sản 2023, Luật Nhà ở 2023, Luật Các tổ chức tín dụng 2023 và các quy định sửa đổi bổ sung được cập nhật. Những thay đổi này tạo ra một hành lang pháp lý rõ ràng hơn cho các nhà đầu tư, thúc đẩy sự phát triển của các dự án bất động sản, năng lượng và hạ tầng, đặc biệt là trong khuôn khổ hợp tác công tư (PPP). Năm 2024 cũng là một năm đầy nỗ lực của FECON trong lĩnh vực đầu tư dự án với các điểm sáng như: Dự án Khu Đô thị Nam Thái (Square City) Phố Yên Thái Nguyên, Dự án Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoan Bái và Khu Công nghiệp- đô thị- dịch vụ Hòa Yên tại Hiệp Hòa Bắc Giang. Ngoài ra, các dự án bất động sản đô thị và công nghiệp, các dự án năng lượng tái tạo trong danh mục vẫn được phát triển theo kế hoạch đã đề ra.

Các hoạt động thoái vốn dự án đầu tư của Công ty cũng vô cùng khó khăn do thị trường trầm lắng và xu thế ép giá của các Nhà đầu tư có ý định M&A dự án. Đến cuối năm 2024, các mục tiêu thoái vốn dự án của FECON không hoàn thành, mặc dù Ban điều hành đã rất nỗ lực xúc tiến.

Nhìn về tổng thể, kết quả hoạt động của hệ thống từ thi công, đầu tư và thoái vốn dự án trong năm 2024 của Tập đoàn FECON còn khó khăn nhưng đã tạo nền quan trọng cho năm 2025 với việc xác lập chủ quyền 2 dự án khu công nghiệp và ký được một số hợp đồng thi công lớn trong quý IV/2025. Kết quả kinh doanh hợp nhất với doanh thu đạt 3.375 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 30 tỷ đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp, FECON luôn chú trọng duy trì các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực quản trị, phát triển văn hóa doanh nghiệp, nghiên cứu phát triển

và cải tiến kỹ thuật, hội nhập quốc tế. FECON tự hào khi một lần nữa được vinh danh với giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2024 và ghi dấu ấn khi góp mặt trong Top 10 Nhà thầu xây dựng uy tín năm 2024 (theo Vietnam Report). Đối với công tác tổ chức nhân sự, FECON đã chủ động triển khai quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ, trong đó nổi bật là sự thay đổi nhân sự cấp cao bộ máy Ban Tổng Giám đốc nhằm thích ứng với sự thay đổi của thị trường và nắm bắt các cơ hội phát triển trong giai đoạn mới.

Dứng trước các cơ hội lớn khi chủ trương của Đảng và Nhà nước là đẩy mạnh đầu tư công, các loại dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và hạ tầng năng lượng sẽ được triển khai hàng loạt trong giai đoạn 2025-2030, đồng thời đầu tư nước ngoài cũng luôn không ngừng tăng trưởng, FECON tự tin vào kết quả kinh doanh khởi sắc trong giai đoạn tới, đồng thời phát huy lợi thế tận dụng cơ hội để phát triển bứt phá trở thành Tập đoàn phát triển hạ tầng hàng đầu Việt Nam trong giai đoạn chiến lược 2025-2030. Tất cả các thành viên trong hệ thống FECON đều cảm nhận rõ sự chuyển mình mỗi ngày, không chỉ vì các mục tiêu kinh doanh rõ ràng trong một thị trường đang cụ thể hóa các tiềm năng, mà còn từ những bước đi mạnh mẽ, quyết liệt của FECON trong đầu tư khoa học công nghệ và đội ngũ để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Tôi tin tưởng rằng, FECON sẽ vượt qua những khó khăn của giai đoạn suy thoái kinh tế hậu covid, thực hiện thành công chiến lược giai đoạn 2025-2030 để vững vàng bước vào kỷ nguyên vươn mình cùng đất nước và dân tộc.

Trong tâm thế đồng tâm nhất trí và nỗ lực hết mình của tất cả anh chị em lãnh đạo quản lý và cán bộ công nhân viên trên toàn hệ thống, Hội đồng quản trị mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và đồng hành của Quý Cổ đông, các đối tác và khách hàng trên hành trình phát triển của FECON!

Chúc tất cả chúng ta chung sức đồng lòng, hướng tới một năm 2025 tăng tốc bứt phá!

Xin trân trọng cảm ơn !

PH
T/M HĐQT CÔNG TY
PHẠM VIỆT KHOA



CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05../2025/BC-TCKT.FECON

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - Quý cổ đông và nhà đầu tư

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần FECON (sau đây viết tắt là “Công ty” hoặc “FECON”)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/06/2004, thay đổi lần thứ 32 ngày 14 tháng 01 năm 2022
- Vốn điều lệ : 1.574.390.050.000 đồng (Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 1.574.390.050.000 đồng (Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ : Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại : (+84) 24 6269 0481
- Số fax : (+84) 24 6269 0484
- Website : <https://fecon.com.vn>
- Mã cổ phiếu : FCN

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tháng 18/6/2004: Thành lập Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.
- Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên 39,63 tỷ đồng.
- Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 87,997 tỷ đồng.
- Năm 2010: Tăng vốn điều lệ lên 107 tỷ đồng.
- Năm 2011: Tăng vốn điều lệ lên 128,4 tỷ đồng.
- Tháng 03/2012: Tăng vốn điều lệ lên 138,051 tỷ đồng.
- Tháng 07/2012: FECON chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam với mã cổ phiếu FCN.
- Tháng 10/2013: Tăng vốn điều lệ lên 397,591 tỷ đồng.
- Năm 2014: Tăng vốn điều lệ lên 457 tỷ đồng.
- Năm 2016: Đổi tên thành Công ty Cổ phần FECON.
- Ngày 10/03/2017: Tăng vốn điều lệ lên 543,5 tỷ đồng.
- Ngày 12/02/2018: Tăng vốn điều lệ lên 943,4 đồng.
- Ngày 10/06/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.138,5 tỷ đồng.
- Ngày 17/10/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.195,4 tỷ đồng.
- Ngày 25/01/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.254,4 tỷ đồng.
- Ngày 14/01/2022: Tăng vốn điều lệ lên 1.574,4 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty hoạt động kinh doanh trong hai lĩnh vực chủ yếu là lĩnh vực thi công và đầu tư dự án, cụ thể như sau:

a. Lĩnh vực thi công:

- Xây dựng công nghiệp:
 - + Xây dựng công trình Công nghiệp nặng: Thi công kết cấu thép, móng, M&E...cho các nhà máy nhiệt điện, tổ hợp sản xuất thép, nhà máy lọc dầu, tổ hợp hóa dầu.
 - + Xây dựng công trình Năng lượng: Thi công các công trình nhà máy nhiệt điện, nhà máy điện mặt trời, nhà máy điện gió,...
 - + Xây dựng công trình Công nghiệp nhẹ: Cung cấp các giải pháp tổng thể, từ thiết kế, mua sắm thiết bị đến thi công các công trình xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp nhẹ.
- Xây dựng Hạ tầng - Ngầm:
 - + Xây dựng Cơ sở hạ tầng: Thi công cầu, đường cao tốc, đường sắt, sân bay, thi công cảng, đường thủy, thi công hạ tầng công nghiệp và đô thị.

+ Thi công Nền và Móng: Khảo sát địa chất và thí nghiệm nền móng, thí nghiệm nén tĩnh cọc khoan nhồi chịu tải trọng lớn, thí nghiệm O-cell, xử lý nền, thi công cọc PHC, thi công cọc khoan nhồi và tường vây, thi công hầm và kết cấu ngầm.

+ Thi công Ngầm: Thi công đào hầm bằng khiên đào, kích đẩy; Xử lý nền, chống thấm công trình ngầm bằng công nghệ cao; Hồ đào sâu; Quan trắc trong quá trình xây dựng và vận hành.

b. Đầu tư dự án:

- Đầu tư hạ tầng giao thông: Đường bộ, đường cao tốc, cảng, đường sắt, cầu.

- Đầu tư hạ tầng năng lượng tái tạo: Điện mặt trời, điện gió, thủy điện, phát triển dự án điện khí LNG.

- Phát triển đô thị và khu công nghiệp: Khu công nghiệp xanh, khu đô thị sinh thái.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty là tại Việt Nam, ngoài ra Công ty đã và đang thực hiện một số dự án ở nước ngoài như Myanmar và Campuchia.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

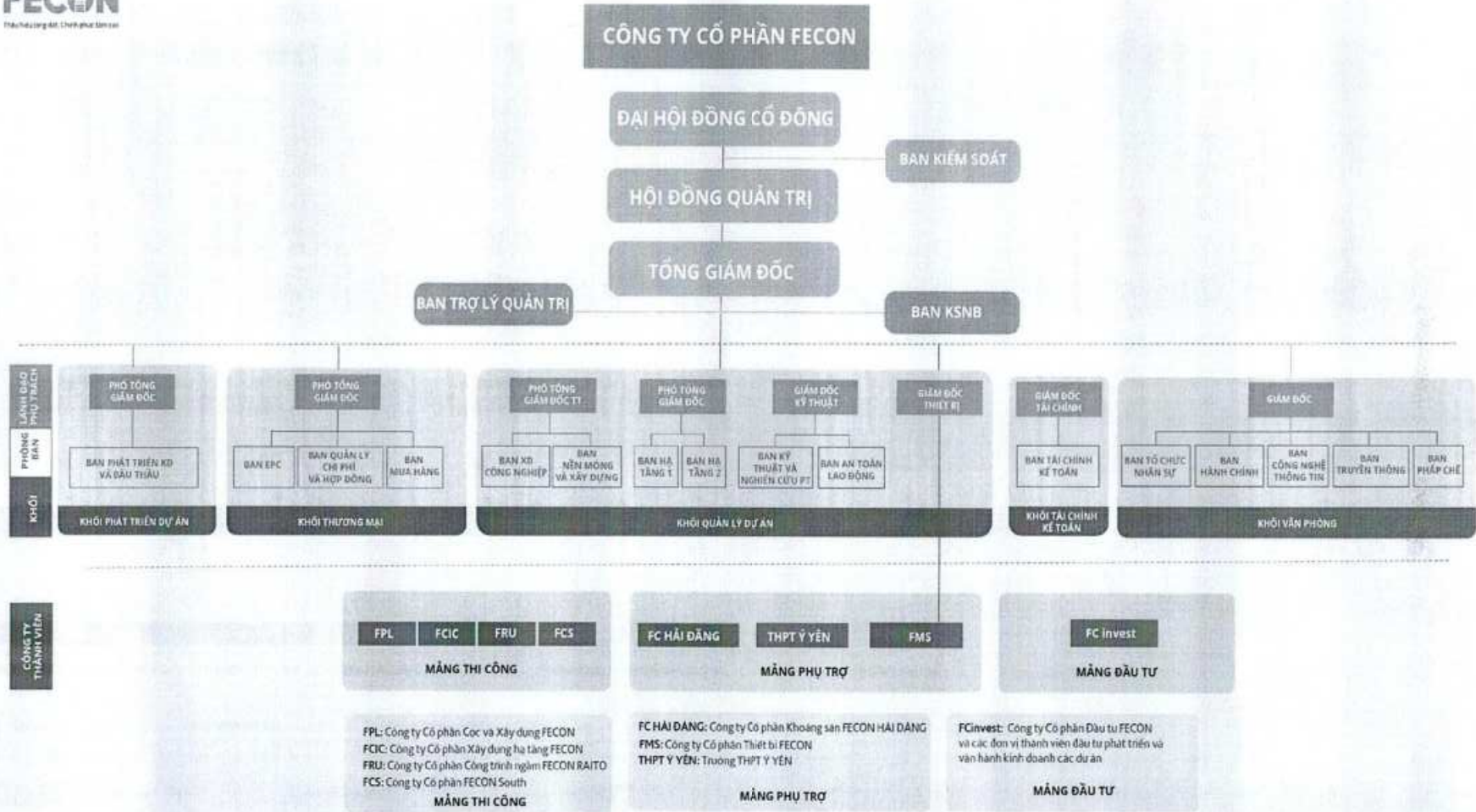
3.1. Mô hình quản trị:

Công ty Cổ phần FECON tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ); Hội đồng quản trị (HDQT); Ban Kiểm soát (BKS) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD).

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



Thị trường Bất Động Sản Việt Nam



3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
I	Công ty con trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần công trình ngầm FECON RAITO)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	86,14%	99,93%	93,17%
2	Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	93,50%	93,50%	93,50%
3	FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
5	Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
7	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO (trước đây là Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	51,00%	51,00%	51,00%
8	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
9	Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	14,29%	99,99%	91,87%
10	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
11	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	64%	99,999%	96,59%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
12	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	48,997%	99,997%	95,85%
II	Công ty con gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1 (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm		99,89%	93,40%
2	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc		99,89%	93,40%
3	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh		97,22%	88,01%
4	Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam và Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.		51,00%	47,85%
5	Công ty Cổ phần FECON Hiệp Hòa (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Giang	Kinh doanh bất động sản		55,00%	49,79%
6	Công ty Cổ phần FECON Phổ Yên (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Thái Nguyên	Kinh doanh bất động sản		55,00%	49,79%
7	Công ty Cổ phần GF Homes (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Đồng Tháp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
8	Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO)	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	0,02%	99,98%	51,00%
III	Công ty liên kết gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	Bắc Giang	Kinh doanh bất động sản		36,00%	32,59%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Hà Nội	Xây dựng		24,20%	21,91%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
3	Công ty cổ phần FECON Miltec	Long An	Thiết kế và thi công xử lý nền đất yếu		49,20%	48,98%
4	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý		49,10%	45,11%
5	Công ty Cổ phần GF Land Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản		36,00%	32,59%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Duy trì vị thế trên thị trường của mảng kinh doanh cốt lõi là nền móng và công trình ngầm;
- Chuyển dịch trở thành Nhà thầu xây dựng công nghiệp và hạ tầng và Nhà đầu tư uy tín theo tiêu chuẩn quốc tế sở hữu năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm;
- Tầm nhìn trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2030, tầm nhìn 2040.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

FECON định hướng phát triển bền vững trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng và xây dựng công nghiệp, ưu tiên liên danh, liên kết tổng thầu để mở rộng thị trường quốc tế. Công ty tập trung vào các dự án trọng điểm như đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, hệ thống thoát nước ngầm, cũng như các dự án công nghiệp nặng như nhà máy lọc dầu, nhà máy thép và các công trình năng lượng quy mô lớn, đồng thời không ngừng nâng cao năng lực thi công tổng thầu, tối ưu hóa chi phí và quản trị dự án xuất sắc.

Trong lĩnh vực đầu tư dự án, FECON đặt kế hoạch phát triển bất động sản công nghiệp và bất động sản đô thị tại các khu vực vệ tinh của các thành phố lớn như Hà Nội và TP HCM có ưu thế vượt trội về hạ tầng kết nối. Bên cạnh đó FECON sẽ cùng các đối tác mạnh để triển khai những dự án quy mô lớn mang tầm chiến lược, như các dự án đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao có gắn mô hình đầu tư TOD theo cơ chế đối tác công tư PPP. Nhằm cùng một lúc nâng cao hiệu quả hoạt động trong cả 2 mảng thi công và đầu tư, đồng thời thu hút nguồn lực tài chính từ các định chế tài chính quốc tế cho phát triển hạ tầng chiến lược.

4.3. Triết lý kinh doanh của công ty

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: ích nước - lợi nhà;
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- Đặt yếu tố chất lượng - hiệu quả - tiến độ lên hàng đầu để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thái độ tích cực với kim chỉ nam “Con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp”;

- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.
- Phát triển văn hoá doanh nghiệp để trở thành niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng.

4.4. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

a. Không ngừng nghiên cứu, ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế

Mong muốn đóng góp thiết thực cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, FECON không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ trong toàn hệ thống. Phong trào “Sáng kiến cải tiến” được khởi xướng từ năm 2011 đã thu hút đông đảo cán bộ, công nhân viên tham gia. Trải qua 13 năm, chương trình đã thu hút hàng nghìn đề tài, với trên 600 sáng kiến đã được đưa vào thực tế sản xuất kinh doanh. Với tinh thần không ngừng đổi mới, từ năm 2024, chương trình thay đổi cách thức thực hiện với tên gọi “F-Ideas”, điều chỉnh và kéo dài thời gian tham gia sáng kiến, mở rộng quy mô đến nhiều phòng ban trong hệ thống để tạo cơ hội cho những ý tưởng đột phá, góp phần cho sự phát triển chung cho hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp. Đặc biệt, ngày 18/6 hàng năm được chọn là FECON Innovation Day – ngày hội của trí tuệ và sáng tạo, nơi khởi động một mùa F-Ideas mới và vinh danh những ý tưởng xuất sắc của kỳ trước. Bên cạnh đó, Hội nghị công nghệ xây dựng FECON cũng được tổ chức đều đặn hai lần/năm. Tại đây, anh em kỹ sư FECON có cơ hội tham gia chia sẻ kiến thức, công nghệ và kinh nghiệm của mình, đồng thời được trải nghiệm niềm đam mê nghiên cứu khoa học.

Không dừng lại ở đó, trong năm 2024, FECON và Tổng Công ty Thăng Long đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Giao thông Vận tải về hợp tác đào tạo và nghiên cứu phát triển công nghệ xây dựng đường sắt, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong công tác đào tạo nhân sự, đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu của các dự án đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao – lĩnh vực đang được Chính phủ và các thành phố lớn quyết liệt triển khai. Với tầm nhìn dài hạn, FECON xác định việc chủ động đào tạo và nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động nắm bắt và áp dụng công nghệ mới không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm mà còn là yếu tố cốt lõi để hướng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đóng góp ngày một thiết thực hơn cho sự nghiệp phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia theo hướng hiện đại.

Cũng trong năm 2024, đã ký kết hợp tác với Tập đoàn đường hầm Thượng Hải (STEC) để cùng nghiên cứu phát triển, đưa phương án và tham gia đấu thầu các dự án đường sắt đô thị tại Việt Nam. Với tầm nhìn dài hạn, FECON xác định phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực ưu tú là yếu tố cốt lõi để phát triển doanh nghiệp mạnh mẽ và bền vững.

b. Yếu tố con người và xây dựng, không ngừng phát triển văn hóa doanh nghiệp là trung tâm, lan toả giá trị cộng đồng bền vững

Trong suốt hành trình hơn 20 năm hình thành và phát triển, FECON luôn kiên định với triết lý “Con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp”. Đặt yếu tố con người làm trung

tâm, FECON không ngừng đầu tư vào các hoạt động phát triển nhân sự và xây dựng tổ chức chuyên nghiệp. Đặc biệt, FECON còn triển khai các chương trình đào tạo dựa trên những giá trị cốt lõi, hướng tới xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đặc sắc - nơi mỗi cán bộ, công nhân viên có thể thỏa sức đam mê, phát huy năng lực và đóng góp tích cực cho Công ty và xã hội.

Năm 2024 đánh dấu một năm sôi nổi của FECON trong các hoạt động phát triển văn hoá doanh nghiệp với điểm nhấn là Đại lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập công ty. Qua chuỗi hoạt động như Giải chạy Run for 20, Hội thao Strong for 20, Sing for 20, Cuội thi viết Tôi yêu FECON mùa 3,... đã một lần nữa kết nối hơn 1000 cán bộ công nhân viên FECON lại với nhau.

Cùng với Đại lễ kỷ niệm 20 năm FECON, các hoạt động lan tỏa văn hoá khác cũng diễn ra mạnh mẽ, tiêu biểu như chương trình Nét đẹp FECON, Nét đẹp FECON – Hiểu và làm, F-Thanks... Đặc biệt chuỗi chương trình “Pháp thoại và Thiền tập” diễn ra đều đặn hàng tháng giúp cho người FECON được tiếp cận học tập các tinh hoa của Phật Pháp, từ đó từng bước ứng dụng vào quản trị công việc, quản trị công ty, quản trị bộ phận và quản trị bản thân để công việc ngày một tốt hơn, cuộc sống ngày một an vui hạnh phúc hơn. Không những thế, các chương trình F-Radio, F-News, khảo sát Chính sách nhân sự và Văn hóa doanh nghiệp cũng được triển khai trong năm 2024 nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về văn hóa FECON

Bên cạnh các hoạt động phát triển văn hoá trong nội bộ, FECON cũng tiếp tục lan tỏa nét đẹp đó đến với cộng đồng. Cụ thể, FECON đã đồng hành cùng sự kiện “Chạy vì trái tim” năm 2024 với vai trò là nhà tài trợ kim cương; tài trợ và trực tiếp xây dựng công trình chống đuối nước cùng với đó là trao các suất quà biểu dương và động viên đến các em học sinh vượt khó, vươn lên trong học tập của trường Tiểu học và trường THCS Yên Phú (Nam Định). Ngoài chương trình “Áo ấm vùng cao” tại Yên Bái và Lai Châu, FECON còn tích cực tham gia và đóng góp vào các hoạt động công tác xã hội khác như: Tri ân các gia đình có công với Cách mạng, Dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, Hiến máu nhân đạo... Trong thời gian tới, FECON định hướng sẽ tiếp tục đồng hành trong các công tác xã hội, khẳng định giá trị của doanh nghiệp, cũng như thực hiện trách nhiệm xã hội trong mục tiêu phát triển bền vững.

Dù 2024 là một năm đầy khó khăn, FECON đã khép lại một năm với nhiều thành tựu quan trọng, từ việc khẳng định vị thế trên thị trường đến lan tỏa giá trị cộng đồng. Hành trình này là minh chứng sống động cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể FECON, hướng đến một tương lai phát triển bền vững và thịnh vượng.

c. Bảo vệ môi trường là đầu tư cho sự phát triển bền vững

Vấn đề bảo vệ môi trường cũng được FECON chú trọng để đầu tư cho sự phát triển bền vững. Các công nghệ sản xuất và thi công mà Công ty đã áp dụng được lựa chọn cẩn thận, luôn đảm bảo an toàn, sử dụng tối thiểu tài nguyên thiên nhiên và thân thiện với môi trường.

FECON chọn mục tiêu xanh và đáng sống là kim chỉ nam cho các dự án bất động sản mà doanh nghiệp lựa chọn đầu tư. Đặc biệt, Dự án Khu đô thị Square City – khu đô thị kiểu mẫu đầu tiên của FECON được quy hoạch theo tiêu chuẩn hiện đại, thông minh và hài hòa với thiên nhiên. Không gian sống được thiết kế tối ưu với hệ thống tiện ích đa dạng, từ công viên xanh, khu vui chơi, trung tâm thương mại đến trường học và bệnh viện chất lượng cao.

Các dự án bất động sản công nghiệp khác cũng không nằm ngoài mục tiêu “xanh - bền vững” khi tất cả các dự án mà FECON đầu tư đều mang đến không gian xanh, nhiều mặt nước, có đầy đủ các thiết chế cộng đồng, áp dụng công nghệ quản trị vận hành thông minh, hướng tới sự tiện lợi và an toàn cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

d. Quản trị bền vững

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển trường tồn của Công ty là hệ thống quản trị vận hành doanh nghiệp. Công ty luôn đề cao nhiệm vụ xây dựng hệ thống quản trị đồng bộ, chuyên nghiệp và minh bạch, huy động tối đa tâm huyết và trách nhiệm của các lãnh đạo và quản lý trên toàn hệ thống để xây dựng và vận hành hiệu quả các hoạt động của Công ty. Thời gian gần đây, Công ty đặc biệt lưu ý áp dụng chuyển đổi số vào nâng cao hiệu quả quản trị và năng suất lao động, các phần mềm quản lý như ERP, Office 365, HRM, PMS,... đã giúp hiệu quả quản lý doanh nghiệp và quản lý dự án ngày một nâng cao. Trong năm 2025, FECON sẽ tiếp tục thúc đẩy quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ hơn nữa.

5. Nhìn nhận các rủi ro

Tình hình thị trường xây dựng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt vấn đề nợ đọng xây dựng và vấn đề thiếu hụt nguyên vật liệu tại các thời điểm chạy nước rút của các dự án. Trong bối cảnh đó, FECON tiếp tục duy trì các hoạt động quản trị rủi ro xuyên suốt từ Hội đồng quản trị đến các cấp quản lý và từng nhân viên, từ khâu sàng lọc dự án, sàng lọc khách hàng đến khâu chủ động tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu từ sớm nhằm tối thiểu hóa rủi ro, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp.

Chính sách Quản trị rủi ro của FECON được xây dựng trên cơ sở nhận diện và đánh giá rủi ro, từ đó đưa ra biện pháp quản lý rủi ro tổng thể phù hợp với nguồn lực hệ thống. Các chủ thể quản lý rủi ro có trách nhiệm trong việc quản trị rủi ro hàng ngày, theo dõi sát sao tình hình, đánh giá và phân tích các rủi ro mọi góc độ từ vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp đến quản lý dự án.

Theo đó, FECON đã nhận diện, phân tích, theo dõi và quản lý các rủi ro ảnh hưởng lớn đến chiến lược và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, bao gồm:

5.1. Rủi ro môi trường vĩ mô

Sự bất ổn của nền kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam và trên thế giới đặc biệt trong các lĩnh vực chứng khoán, bất động sản, tài chính tiền tệ, nguồn lực lao động,... đều tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

FECON luôn chủ động nắm bắt thường xuyên các diễn biến của nền kinh tế, chính trị, xã hội để xây dựng các biện pháp ứng phó kịp thời nhằm hạn chế rủi ro.

5.2. Rủi ro hoạt động

Với đặc thù của ngành xây dựng, các rủi ro trong thi công như chậm bàn giao mặt bằng, mất an toàn lao động, biến động chi phí đầu vào, khan hiếm nguồn vật liệu xây dựng và rủi ro thiên tai,... là những rủi ro hàng đầu phải kiểm soát. Các biện pháp ứng phó được đặt ra như:

thắt chặt tuân thủ các quy trình, quy định về an toàn; đa dạng hóa nguồn cung cấp vật tư đầu vào, xây dựng ban phòng chống thiên tai,...

Bên cạnh đó, hoạt động trong công tác đấu thầu cũng được đánh giá tiềm ẩn nhiều rủi ro như: thiếu/nhận định không chính xác các thông tin đầu vào dẫn đến giá chào thầu không phù hợp, sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ,... Ban lãnh đạo FECON đã đẩy mạnh sàng lọc các dự án tham dự thầu, chủ động tìm kiếm/hợp tác cùng đối tác có năng lực cao; tăng cường sự phối hợp, rà soát thông tin giữa các phòng ban để mang lại hiệu quả trong công tác đấu thầu.

5.3. Rủi ro đầu tư dự án

Việc hoạch định chiến lược kinh doanh, đầu tư vào dự án mới được Tập đoàn thực hiện định kỳ vào đầu năm. Bên cạnh việc xem xét về hiệu quả đầu tư, trước khi triển khai mỗi dự án mới, những rủi ro của dự án như tình hình thị trường, hành lang pháp lý, giấy phép, thuế hay vận hành đều được thẩm định một cách kỹ lưỡng và các giải pháp xử lý rủi ro được đề xuất nếu cần thiết. FECON luôn tham vấn các chuyên gia tài chính, chuyên gia pháp lý, tư vấn thuế và có quy trình thẩm định chi tiết đối với mỗi dự án đầu tư tiềm năng.

5.4. Rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính chủ yếu được nhận diện bao gồm: Rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng. Cụ thể:

a. Rủi ro thanh khoản:

Tình hình thị trường khó khăn đã ảnh hưởng đến nhiều bên, bao gồm cả các chủ đầu tư dẫn đến rủi ro chậm thanh quyết toán làm ảnh hưởng đến dòng tiền hoạt động của Công ty.

FECON tập trung vào đàm phán, quy định chặt chẽ các điều khoản thanh toán trong hợp đồng ngay trong quá trình làm hồ sơ thầu; nâng cao vai trò của Ban Tài chính Kế toán với sự hỗ trợ của các bộ phận kiểm soát trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tài chính định kỳ, dự báo dòng tiền và phương án dự phòng nguồn vốn từ tổng thể đến từng dự án. Ngoài ra đẩy mạnh hoạt động các Ban điều hành dự án trong công tác hồ sơ nghiệm thu và xây dựng các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt các công nợ tồn đọng.

b. Rủi ro tín dụng

Trong năm 2024, tuy việc tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng, tổ chức tín dụng không còn quá khó khăn như giai đoạn trước nhưng tính linh hoạt của nguồn vốn không cao, áp lực trả nợ gốc và lãi vay vẫn rất lớn bào mòn lợi nhuận kinh doanh của Tập đoàn. Đối mặt với thực trạng trên, FECON đã nỗ lực đàm phán, làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính, mở rộng tìm kiếm các nguồn tín dụng khác để duy trì các chính sách tín dụng tốt có lợi.

5.5. Rủi ro về nhân sự

FECON nhận định con người luôn là yếu tố cốt lõi trong quá trình xây dựng và phát triển của Công ty. Trong bối cảnh thị trường lao động có nhiều biến động, FECON luôn phải đối mặt với rủi ro thiếu nhân sự có năng lực, kinh nghiệm.

FECON luôn chú trọng đào tạo về kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý, chuyên môn cho nhân sự, đề ra lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng cá nhân; đánh giá chính xác năng lực, công sức và có chế độ phúc lợi, lương thưởng xứng đáng; đồng thời cộng tác với các trường đại học, các đối tác tuyển dụng uy tín để bổ sung những nhân tài và nguồn nhân lực trẻ trên thị trường.

5.6. Rủi ro về quản trị thương hiệu

Con đường duy nhất dẫn đến thành công trong kinh doanh là phải xây dựng được uy tín và thương hiệu tốt. Với chính sách phát triển bền vững của mình, FECON luôn chú trọng nâng cao hiểu biết về quản trị rủi ro thương hiệu trong nội bộ Công ty, tăng cường năng lực truyền thông và luôn đảm bảo tính minh bạch, chính xác trong công tác công bố thông tin nhằm tối đa hóa lợi ích kỹ vọng của các bên liên quan.

5.7. Rủi ro pháp lý

Ngành xây dựng chịu sự kiểm soát, điều phối của nhiều quy định pháp luật như: Luật doanh nghiệp, Luật xây dựng, Luật kinh doanh bất động sản, Luật đầu tư, Luật chứng khoán,... Các văn bản pháp luật được ban hành mới và cập nhật liên tục có thể khiến Công ty không kịp nắm bắt, thích nghi và điều chỉnh.

FECON đã xây dựng bộ phận Pháp chế chuyên nghiệp và thường xuyên cập nhật, phổ biến các quy định pháp luật; làm việc với các chuyên gia và đối tác luật chuyên nghiệp để có sự tư vấn kịp thời.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, an sinh xã hội được duy trì, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, thị trường xây dựng và bất động sản năm 2024 vẫn chưa thể hồi phục sau những khủng hoảng của các Tập đoàn bất động sản lớn trong nước giai đoạn 2023-2024. Sự trì trệ của thị trường bất động sản làm giảm nhu cầu xây dựng, đặc biệt trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Các dự án năng lượng tái tạo và điện khí chưa thể triển khai do các cơ chế, chính sách liên quan chưa hoàn thiện; dự án năng lượng quy mô lớn gặp khó khăn trong công tác hoàn thiện các điều kiện đầu tư như giá điện, cơ chế đấu thầu mua bán điện,... Các dự án hạ tầng trọng điểm như đường sắt đô thị tại hai thành phố lớn và hệ thống đường sắt quốc gia đang được Chính phủ ưu tiên nghiên cứu triển khai, nhưng điểm rơi thi công dự án sẽ phải từ năm 2026 trở đi.

Sự tham gia của nhiều doanh nghiệp xây dựng trong và ngoài nước trên thị trường còn khan hiếm việc, tạo áp lực cạnh tranh lớn, đòi hỏi các công ty xây dựng phải nâng cao thực chất năng lực cạnh tranh và giảm sâu giá thành sản xuất. Trong khi một thực tế khó khăn đối với hầu hết các nhà thầu là giá nguyên vật liệu đầu vào (đặc biệt là vật liệu khai thác như đất, cát, đá sỏi) leo thang theo nhu cầu cấp bách, gây áp lực lớn lên lợi nhuận và dòng tiền của các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh khó khăn đó, mặc dù HĐQT và Ban TGD FECON đã nỗ lực hết mình nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 không đạt kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

Nhìn về tổng thể, kết quả hoạt động của hệ thống từ thi công và đầu tư dự án trong năm 2024 của Tập đoàn FECON còn rất khó khăn, với doanh thu hợp nhất đạt 3.375 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 30 tỷ đồng.

Với công tác phát triển nguồn lực, Công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự đặc biệt ra mắt Ban điều hành mới vào tháng 7/2024 và triển khai tối ưu phân công nhiệm vụ các vị trí trong Ban Tổng giám đốc vào tháng 11/2024. Phân cấp thẩm quyền được cập nhật kịp thời phù hợp với cơ cấu tổ chức. Hệ thống quy trình lõi được ban hành giúp tinh gọn và tối ưu trong quá trình triển khai, đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí nhân sự đã được áp dụng, nhờ đó Công ty đã tiết giảm được một phần chi phí quản lý, chi phí hành chính, tối ưu và nâng cao năng suất lao động.

Các chỉ tiêu tài chính được ghi nhận trên Báo cáo tài chính năm 2024 của FECON như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2024	Tăng trưởng 2024/2023
Doanh thu hợp nhất	tỷ đồng	2.880	4.000	3.375	84%	17%
Doanh thu Công ty Mẹ	tỷ đồng	1.890	2.700	2.367	88%	25%
LNST hợp nhất	tỷ đồng	-42	60	30	50%	171%
LNST Công ty Mẹ	tỷ đồng	13	33	7	20%	-48%
LNST của cổ đông Công ty mẹ	tỷ đồng	-32	50	9	19%	129%
EPS hợp nhất	Đồng/cp	-221	316	59	19%	127%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

a. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Tùng	Tổng giám đốc điều hành
2	Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc
3	Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc
4	Trần Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của Ban Tổng Giám đốc:

[i] Ông NGUYỄN THANH TÙNG - Tổng Giám đốc điều hành

- Năm sinh: 1981

- Quốc tịch: Việt Nam

- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler College of Business

- Quá trình công tác:

- 2004 - 2005: Kỹ sư Xây dựng Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS/CTCI
- 2005 - 2014: Kỹ sư Xây dựng Vamed Engineering GMBH & Co
- 2015: Quản lý dự án Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA
- 2016 - 2018: Giám đốc điều hành Công ty Hạ tầng Econs Việt Nam
- 10/2018 - 11/2019: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng công nghiệp
- 12/2019 - 06/2024: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- 07/2024 - nay: Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần FECON

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

[ii] Ông NGUYỄN QUỐC BẢO - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1985

- Quốc tịch: Việt Nam

- Học vấn: Thạc sỹ kỹ thuật và công nghệ chuyên ngành Xây dựng tại Liên bang Nga (Trường Đại Học Quốc Gia Tam Bốp)

- Quá trình công tác:

- 2011-2012: Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam
- 2012-2013: Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC
- 2013-2018: Chỉ huy trưởng, Đội trưởng đội QLDA, Trưởng Ban Dự án 2 Công ty Cổ phần FECON
- 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.

- Sở hữu cá nhân: 59 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

[iii] Ông ĐỖ MẠNH CUỜNG - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1977

- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Tốt nghiệp ngành Xây dựng cầu hầm - Đại học Giao thông vận tải
- Quá trình công tác:
 - 2000 - 2003: Kỹ sư thiết kế Công ty Cổ phần TVTK Cầu lớn hầm - TEDI
 - 2003 - 2005: Kỹ sư cầu Liên doanh tư vấn Nippon Koei - TEDI
 - 2005 - 2007: Trưởng nhóm kỹ sư Việt Nam mảng kết cấu cầu, cống, công trình trên biển.
 - 08/2007 - 09/2008: Kỹ sư thiết kế Công ty Cổ phần TVTK cầu lớn Hầm - TEDI
 - 10/2008 - 09/2010: Phó kỹ sư thường trú (trưởng nhóm kỹ sư Việt nam) Liên danh tư vấn OC - TEDI - APECO
 - 09/2010 - 10/2014: Phó trưởng phòng Cầu 4 Công ty Cổ phần TVTK Cầu lớn Hầm TEDI
 - 10/2014 - 07/2016: Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC
 - 07/2016 - 07/2019: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON
 - 07/2019 - 05/2020: Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng và phát triển đô thị FECON
 - 06/2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.
- Sở hữu cá nhân: 10.159 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0,006%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

[iv] Ông TRẦN TRUNG HIẾU - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Tốt nghiệp ngành Thủy điện- Thủy lợi- Cấp thoát nước - Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
 - 2007 - 2008: Giám sát hiện trường Công ty N.E.S JOINT VENTURE JAPAN
 - 2008 - 2009: Kỹ sư hiện trường SW CONSTRUCTION
 - 2009 - 2012: Kỹ sư trưởng, Chỉ huy phó Công ty POSCO E&C
 - 2012 - 2022: Chỉ huy phó, Chỉ huy trưởng, Giám đốc dự án Công ty NEWTECONS
 - 2022 - 2023: Giám đốc dự án Tập đoàn NOVALAND
 - 09/2023 - 06/2024: Giám đốc dự án Công ty Cổ phần FECON
 - 07/2024 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON.

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

b. Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Nghiên	Giám đốc tài chính
2	Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng:

[i] Bà NGUYỄN THỊ NGHIÊN - Giám đốc Tài chính

- Năm sinh: 1976
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sĩ Tài chính tại Đại học Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - 07/2011 - 04/2015: Phó Phòng kế toán Thống kê Tài chính Công ty viễn thông liên tỉnh
 - 05/2015 - 12/2016: Trợ lý TGD về Tài chính Công ty Cổ phần FECON
 - 05/2015 - 09/2018: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON
 - 09/2018 - 08/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON
 - 09/2019 - 4/2022: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON
 - 04/2022 - nay: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

[ii] Ông PHẠM VĂN TÙNG - Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - 06/2011 - 06/2017: Kế toán viên Công ty Cổ phần ACC-244 thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC, Bộ Quốc phòng
 - 07/2017 - 03/2019: Kế toán ngân hàng Công ty Cổ phần FECON
 - 05/2019 - 11/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1
 - 11/2021 - 03/2022: Phó ban Tài chính kế toán Công ty Cổ phần FECON
 - 04/2022 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON

- Sở hữu cá nhân: 63 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0 %

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

a. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

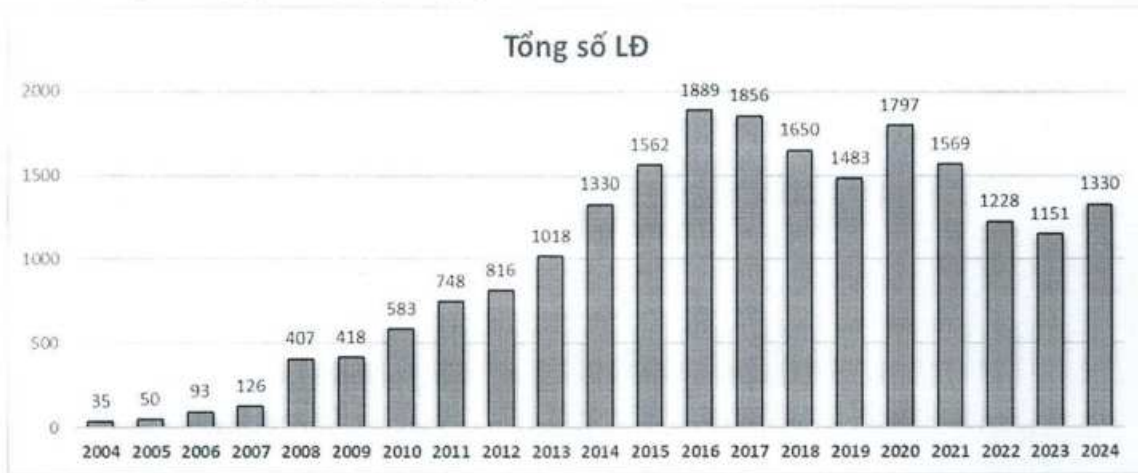
STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Thanh	1980	Thạc sỹ xây dựng tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS)	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc kể từ ngày 05/07/2024
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	1981	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler College of Business	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành kể từ ngày 05/07/2024
3	Ông Trần Trung Hiếu	1983	Kỹ sư xây dựng tại Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 05/07/2024

b. Những thay đổi liên quan đến Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

Trong năm 2024, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng không có sự thay đổi.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

Tổng số lượng lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2024:



Tổng số nhân sự tại FECON năm 2024 là 1.330 người, tăng 15,55% so với năm 2023.

Tóm tắt chính sách nhân sự và các điều chỉnh trong chính sách đối với người lao động trong chính sách nhân sự:

Song song với việc phát triển kinh doanh, FECON luôn chú trọng ổn định và phát triển các nguồn lực nội bộ trong đó có nguồn lực về nhân sự. FECON tập trung xây dựng các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi phù hợp và cạnh tranh với thị trường nhằm thu hút, khích lệ và động

viên người lao động, ghi nhận sự đóng góp của cá nhân đối với tổ chức đồng thời thiết lập hệ thống đánh giá nhằm đảm bảo việc chi trả chế độ một cách chính xác, công bằng.

Trong năm 2024, FECON tiếp tục có những điều chỉnh kịp thời trong chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy năng suất và ghi nhận sự đóng góp của người lao động, trong đó chính sách thu nhập dành cho khối quản lý dự án tiếp tục được nghiên cứu cải tiến và chạy thử cơ chế lương khoán đối với một vài dự án thí điểm. Chính sách nhân sự mới cũng đã được sửa đổi bổ sung và ban hành bản cập nhật có hiệu lực từ ngày 01/01/2024, sau gần một năm ban hành Chính sách nhân sự năm 2023, trong đó không áp dụng hệ số KPI/OGSM vào tính thưởng hiệu suất trong công thức tính thu nhập tháng và điều chỉnh hệ số thưởng hiệu quả cuối năm (KCT) nhằm ghi nhận sự đóng góp và gắn bó của người lao động đối với FECON.

Cùng với đó, Ban Lãnh đạo luôn coi trọng và đầu tư cho các công tác đào tạo, coi đào tạo phát triển là một trong những chiến lược nhân sự cốt lõi nhằm phát triển doanh nghiệp bền vững. Trong năm 2024, FECON đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ. Các chương trình đào tạo phát triển trọng tâm như Đào tạo TBM, Hội thảo kỹ thuật,... đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, thể hiện rõ qua sự cải thiện năng suất và hiệu quả công việc. Những chương trình này cũng giúp nhân viên tăng cường khả năng thích ứng với các thay đổi trong tổ chức, đặc biệt trong bối cảnh FECON mở rộng phạm vi và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, đào tạo nhóm nhân sự tiềm năng giúp xây dựng đội ngũ kế cận, đảm bảo sự ổn định lâu dài cho tổ chức. Năm 2025 được kỳ vọng sẽ phát triển hơn nữa các hoạt động đào tạo không chỉ trong nội bộ mà còn hướng tới bổ sung các chương trình đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ bên ngoài.

Các hoạt động gắn kết cá nhân với tổ chức, lan tỏa văn hóa FECON tiếp tục được đẩy mạnh trong năm 2024 giúp người lao động thấm nhuần các giá trị cốt lõi của Công ty: Chương trình “Pháp thoại và Thiền tập” định kỳ, Cuộc thi viết “Nét đẹp FECON” và Chương trình “Nét đẹp FECON - Hiểu & Làm”, F-THANKS, F-BOX, F-IDEAS được triển khai, tổ chức trên diện rộng với sự tham gia của đông đảo các cá nhân, phòng ban, dự án của FECON. Chương trình F-Radio, F-News, khảo sát Chính sách nhân sự và Văn hóa doanh nghiệp cũng được triển khai trong năm 2024 nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về văn hóa FECON.

FECON kiên định thực thi triết lý trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững, kiến tạo tương lai trong năm 2024 và các năm tiếp theo thông qua các hoạt động phát triển văn hóa doanh nghiệp, đào tạo nâng cao năng lực quản trị và nghiên cứu phát triển cải tiến kỹ thuật, hội nhập quốc tế. Các chương trình đào tạo không chỉ hướng tới mục tiêu phát triển năng lực cán bộ mà còn hình thành nên giá trị văn hóa cốt lõi cho Công ty thông qua việc ứng dụng tinh hoa Phật pháp trong quản trị doanh nghiệp, đặc biệt với sự ra đời của “Sổ tay Pháp thoại & Thiền tập” vào tháng 05/2024. Sự gắn kết trong nội bộ cũng được quan tâm sâu sắc thông qua các hoạt động thể thao văn hóa trong chuỗi chương trình kỷ niệm 20 năm thành lập FECON, hoạt động về nguồn ngày 27/7 mang đầy ý nghĩa.

Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì Quỹ tình đồng đội, các hoạt động an sinh, trách nhiệm xã hội của Công ty đối với từng cá nhân và gia đình người lao động (ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, gia đình khó khăn), các hoạt động đoàn thể (nhân dịp 08/03, 20/10, Tết thiếu nhi, Trung thu,...), các chương trình tôn vinh cá nhân, tập thể (thường danh hiệu, thường sáng kiến,...).

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện,... và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước liên quan đến người lao động.

3. Tình hình thực hiện các dự án thi công và các dự án đầu tư

3.1. Tình hình thực hiện các dự án thi công lớn

Năm 2024, FECON đã ký kết nhiều hợp đồng lớn, tiếp tục gia tăng giá trị các dự án lớn cả ở mảng công trình hạ tầng và xây dựng dân dụng. Những hợp đồng này không chỉ thể hiện năng lực thi công của FECON mà còn cho thấy khả năng huy động các dự án quy mô lớn, có tính chiến lược.

Trong mảng xây dựng hạ tầng, FECON đã ghi tên mình vào nhiều dự án lớn như Cảng Lạch Huyện, Cầu vượt đường sắt tại Phú Lý, Cảng Mỹ Thủy, Cảng Baria Serece tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu... Việc đảm nhận các dự án trọng điểm giúp FECON củng cố vị thế của mình trong mảng thi công các công trình hạ tầng trọng yếu nói chung và các dự án Cảng biển nói riêng.

Bên cạnh các dự án hạ tầng, FECON cũng không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động sang lĩnh vực xây dựng dân dụng. Việc đảm nhận vai trò tổng thầu trong các công trình lớn của Bộ Công An như Trụ sở Công An Quảng Ninh, Cục An Ninh Điều tra (A09), Dự án A06... có yêu cầu cao về kỹ thuật và chất lượng xây dựng, cho thấy năng lực vững mạnh của FECON trong việc thực hiện các dự án dân dụng. Các công trình này không chỉ có giá trị về mặt tài chính mà còn góp phần nâng cao uy tín của FECON trong cộng đồng xây dựng dân dụng.

a. Dự án Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn Nhón - Ga Hà Nội (Metro Line 3 HN)

Là một trong những công trình giao thông quan trọng nhất của thủ đô, tuyến metro Nhón - Ga Hà Nội được xây dựng theo tiêu chuẩn hiện đại, góp phần giảm tải ùn tắc và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải công cộng. Dự án có tổng chiều dài 12,5 km, trong đó 8,5 km đi trên cao và 4 km đi ngầm.

Trong năm 2024, FECON tiếp tục đồng hành cùng tổng thầu Hyundai Ghella và là nhà thầu phụ đảm nhiệm thi công phần ngầm của tuyến metro, với trọng tâm là việc lắp đặt và vận hành robot khiên đào TBM (Tunnel Boring Machine). Công nghệ này đảm bảo độ chính xác cao trong quá trình khoan hầm, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến các công trình lân cận. Tổng mức đầu tư của dự án là hơn 32.900 tỷ đồng, trong đó giá trị hợp đồng FECON đảm nhận ước tính khoảng 1.200 tỷ đồng.

Ngày 30/7/2024, FECON đã chính thức vận hành máy đào TBM (Tunnel Boring Machine) bắt đầu những mét khoan đầu tiên cho đoạn đi ngầm của dự án Metro Line 3 Hà Nội, đoạn Nhón - ga Hà Nội. Tại dự án này, FECON không chỉ là nhà thầu phụ đầu tiên của Việt Nam thực hiện công tác đào hầm bằng máy TBM, mà còn tham gia hầu hết các hạng mục xây dựng ngầm như ga ngầm, thi công tường vây, thi công cọc móng, xử lý nền chống lún, chống thấm - những hạng mục khó nhất với một công trình đường sắt đô thị.

Đến với dự án Metro Line 3 - Hà Nội, FECON đã phát huy các sở trường và năng lực hiện có của một nhà thầu nền móng và công trình ngầm hàng đầu tại Việt Nam, đặc biệt trong mảng ngầm đô thị thông qua việc áp dụng những công nghệ xây dựng hiện đại nhất hiện

nay nhằm rút ngắn thời gian thi công, giảm thiểu tác động đến môi trường và địa chất xung quanh, mang lại hiệu quả cao nhất.

Việc là nhà thầu Việt Nam duy nhất trực tiếp vận hành thành công robot đào hầm TBM là minh chứng quan trọng góp phần khẳng định năng lực của FECON trong các dự án hạ tầng ngầm đô thị nói chung và các dự án Metro nói riêng, đóng góp vào quá trình hiện thực hóa ước mơ của các doanh nghiệp Việt Nam từng bước làm chủ công nghệ thi công các dự án hạ tầng ngầm đô thị.

b. Dự án cảng Lạch Huyện bến số 5 và 6 Hải Phòng

Cảng Lạch Huyện tại thành phố Hải Phòng là một trong những cảng nước sâu chiến lược, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối hàng hóa giữa Việt Nam và quốc tế. Với nhu cầu mở rộng hạ tầng logistics, các bến số 5 và 6 được triển khai nhằm gia tăng công suất khai thác.

FECON phụ trách thi công hệ thống bến bãi, gia cố nền móng và lắp đặt các thiết bị chuyên dụng để phục vụ công tác bốc xếp hàng hóa. Dự án được khởi công vào Quý II/2023, giá trị hợp đồng của FECON tại dự án này khoảng 800 tỷ đồng. Khi đi vào hoạt động, cảng Lạch Huyện sẽ giúp tăng cường năng lực vận chuyển, giảm tải áp lực lên các cảng lân cận và thúc đẩy giao thương khu vực phía Bắc.

c. Dự án Trụ sở Công an tỉnh Quảng Ninh

Là một trong những dự án trọng điểm trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, công trình trụ sở Công an tỉnh Quảng Ninh được triển khai nhằm hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực đảm bảo trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Tại dự án này, FECON đảm nhiệm xây dựng các hạng mục kết cấu nền móng, hệ thống cơ điện và hoàn thiện nội thất. Dự án khởi công vào tháng 3/2024 và dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2025, với giá trị hợp đồng ước tính khoảng 500 tỷ đồng. Công trình sau khi hoàn thành sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu làm việc, điều hành và triển khai nhiệm vụ của lực lượng công an Quảng Ninh – một tỉnh có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh – quốc phòng của Việt Nam.

d. Dự án trụ sở Cục An ninh điều tra Bộ Công an (A09)

Trụ sở Cục An ninh điều tra Bộ Công an (A09) là một công trình có yêu cầu cao về bảo mật và chất lượng xây dựng. FECON đảm nhận việc triển khai hệ thống kết cấu bền vững, áp dụng các công nghệ kỹ thuật tiên tiến để đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động.

Dự án được khởi công vào tháng 5/2024. FECON đã hoàn thiện và bàn giao một phần cho Chủ đầu tư vào 31/12/2024. Với giá trị hợp đồng khoảng 600 tỷ đồng, công trình này không chỉ góp phần nâng cao năng lực hoạt động của A09 mà còn thể hiện cam kết của FECON trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn xây dựng khắt khe.

e. Dự án mở rộng Bến cảng Baria Serece

Nằm trong chiến lược phát triển cảng biển phía Nam, dự án mở rộng Bến cảng Baria Serece có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực vận tải hàng hóa tại khu vực. Việc mở rộng bến cảng giúp tăng cường khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lớn, nâng cao hiệu quả logistics.

FECON đảm nhiệm thi công mở rộng khu vực bốc dỡ hàng hóa, gia cố nền móng và lắp đặt các thiết bị hỗ trợ vận hành cảng. Dự án được khởi công vào tháng 6/2024 và đã hoàn thành vào đầu năm 2025, với giá trị hợp đồng 108 tỷ đồng. Khi đi vào hoạt động, cảng Baria Serece mở rộng sẽ góp phần thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa, hỗ trợ phát triển kinh tế khu vực.

Với danh mục các dự án trọng điểm trải dài từ Bắc vào Nam, FECON tiếp tục ghi dấu ấn mạnh mẽ trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng, công trình ngầm tại Việt Nam. Những công trình này không chỉ đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương mà còn thể hiện rõ năng lực và uy tín của FECON trong ngành xây dựng. Cam kết về chất lượng, tiến độ và an toàn luôn là những yếu tố cốt lõi giúp FECON khẳng định vị thế là một đối tác tin cậy trong các dự án chiến lược của đất nước.

3.2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Năm 2024, FECON tập trung triển khai đầu tư hai dự án lớn thông qua công ty thành viên do Công ty Cổ phần Đầu tư FECON quản lý, bao gồm Dự án Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái, Bắc Giang và Dự án Khu đô thị Nam Thái (tên thương mại: Square City) tại Thành phố Phủ Yên, Thái Nguyên. Bên cạnh đó, vào cuối năm 2024, Công ty cũng đã được công nhận Chủ đầu tư dự án Khu công nghiệp Hòa Yên tại Tỉnh Bắc Giang với quy mô 256,68 ha.

a. Dự án Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái:

Ngày 26/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang quyết định thành lập Dự án Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái. Theo đó, Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án là Công ty cổ phần FECON Hiệp Hoà có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai, tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp này.

Dự án có diện tích quy hoạch 75ha với tổng vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, dự án đã được thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở và báo cáo đánh giá tác động môi trường, bắt đầu thực hiện công tác giải phóng mặt bằng từ tháng 3/2025. Theo tiến độ dự kiến, dự án sẽ khởi công xây dựng hạ tầng vào Quý II/2025 và bắt đầu ghi nhận doanh thu vào cuối năm 2025. Dự kiến sau khi hoàn thành dự án sẽ mang lại khoảng 400 tỷ đồng lợi nhuận cho công ty.

b. Dự án Khu đô thị Nam Thái (Square City):

Dự án Khu đô thị Nam Thái (Square City) có diện tích quy hoạch 24,68 ha với tổng vốn đầu tư gần 3.000 tỷ đồng. Dự án được UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư vào ngày 14/04/2022 và đến ngày 30/12/2022, Công ty cổ phần FECON Phủ Yên đã được chấp thuận là chủ đầu tư của dự án.

Hiện tại dự án đã được giao đất 02 đợt với tổng diện tích 15,2 ha và khởi công xây dựng dự án vào ngày 09/06/2024. Đến nay đã hoàn thành thi công phần hạ tầng trong phạm vi được giao đất đợt 1 và đang triển khai thi công hạ tầng trong phạm vi được giao đất đợt 2. Dự án cũng đã được xác nhận đủ điều kiện bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai và đủ điều kiện chuyển nhượng đất nền có hạ tầng kỹ thuật cho cá nhân tự xây dựng nhà ở. Năm 2025, Công ty sẽ triển khai các hoạt động marketing và kinh doanh bán hàng để thu về dòng tiền, đóng

góp lợi nhuận cho Tập đoàn. Dự kiến sau khi hoàn thành dự án sẽ mang lại khoảng 450 tỷ đồng lợi nhuận cho công ty.

c. Dự án Khu công nghiệp Hòa Yên:

Ngày 25/11/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1462/QĐ-TTg về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang. Chủ đầu tư dự án là Công ty cổ phần FECON Hòa Yên. Dự án có diện tích quy hoạch 256,68 ha với tổng mức đầu tư dự kiến là 3.700 tỷ đồng. Hiện công ty đang khẩn trương chuẩn bị các thủ tục giải phóng mặt bằng. Đây là dự án trọng điểm mà FECON sẽ tập trung triển khai trong thời gian tới. Dự kiến sau khi hoàn thành dự án sẽ mang lại trên 1000 tỷ đồng lợi nhuận cho công ty.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên Công ty	Tóm tắt về tình hình hoạt động và tài chính	
		Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu
I	Công ty con trực tiếp		
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	58,5	15,7
2	Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	582,6	83,7
3	FECON Trung Chính Myanmar	19,9	15,9
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	407,7	99,7
5	Trường THPT Ý Yên	9,3	8,7
6	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	1.764,7	663,7
7	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	801,3	354,1
8	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	507,1	109,5
9	Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON	1.412,7	358,1
10	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	13,7	13,7
11	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	123,8	94,2
12	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam	301,8	301,5
II	Công ty con gián tiếp		
1	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	87,2	49,2

STT	Tên Công ty	Tóm tắt về tình hình hoạt động và tài chính	
2	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	18,0	18,0
3	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	98,4	98,0
4	Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	1.210,8	433,1
5	Công ty Cổ phần FECON Hiệp Hòa	482,6	466,6
6	Công ty Cổ phần FECON Phố Yên	1.323,6	392,6
7	Công ty Cổ phần GF Homes	5,5	5,4
8	Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	100,3	-8,6
III	Công ty liên kết	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề SXKD chính
1	Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	36,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	24,20%	Xây dựng
3	Công ty Cổ phần FECON Miltec	49,20%	Thiết kế và thi công xử lý nền đất yếu
4	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	49,10%	Tư vấn quản lý
5	Công ty Cổ phần GF Land Bắc Ninh	36,00%	Kinh doanh bất động sản

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	8.581	9.706	13
2	Doanh thu thuần	2.880	3.375	17
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-9	61	800
4	Lợi nhuận khác	-9	-2	76
5	Lợi nhuận trước thuế	-18	59	425
6	Lợi nhuận sau thuế	-42	30	171
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	Không chia	Không chia	

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 và 2024)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,42	1,32
2	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	1,03	0,97
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,61	0,65
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,55	1,88
5	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,43	1,74
6	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,36	0,37
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1,5	0,9
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-1,2	0,9
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,5	0,3
10	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,3	1,8

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 và 2024)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	157.439.005
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	157.439.005
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
	Tổng số	157.439.005

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông công ty

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng CD	CP tương ứng	Giá trị (VNĐ)	% Tỷ lệ/VĐL thực góp
1	Cổ đông trong nước	14.032	108.617.189	1.086.171.890.000	68,99
1.1	Cổ đông là tổ chức	30	34.209.435	342.094.350.000	21,73
1.2	Cổ đông là cá nhân	14.002	74.407.754	744.077.540.000	47,26
1.3	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0,00
2	Cổ đông nước ngoài	116	48.821.816	488.218.160.000	31,01
2.1	Cổ đông là tổ chức	21	48.522.237	485.222.370.000	30,82
2.2	Cổ đông là cá nhân	95	299.579	2.995.790.000	0,19
Tổng Cộng		14.148	157.439.005	1.574.390.050.000	100,00

(Theo danh sách cổ đông tại thời điểm ngày 27/03/2025)

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 27/03/2025

TT	Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN RAITO KOGYO	CB9736	06/03/2019	40.167.682	25,51 %
2	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD	44/UBCK- GP44/UBCK- GP	21/11/2008	17.500.000	11,12 %
3	QUỸ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG RED ONE	41/GCN- UBCK	01/11/2021	16.000.000	10,16 %

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại 31/12/2024: 75%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Ghi chú
1	18/06/2004	5.000.000.000	5.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 1.000.000 đồng
2	30/06/2006	10.000.000.000	10.000	Cổ phần phổ thông	
3	10/08/2007	50.000.000.000	5.000.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 10.000 đồng
4	16/09/2009	88.000.000.000	8.800.000	Cổ phần phổ thông	
5	17/11/2010	107.000.000.000	10.700.000	Cổ phần phổ thông	
6	04/11/2011	128.400.000.000	12.840.000	Cổ phần phổ thông	
7	17/05/2012	138.051.620.000	13.805.162	Cổ phần phổ thông	
8	18/04/2013	165.663.280.000	16.566.328	Cổ phần phổ thông	

STT	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Ghi chú
9	18/10/2013	397.591.180.000	39.759.118	Cổ phần phổ thông	
10	18/06/2014	457.228.540.000	45.722.854	Cổ phần phổ thông	
11	18/11/2016	477.228.540.000	47.722.854	Cổ phần phổ thông	
12	10/3/2017	494.994.220.000	49.499.422	Cổ phần phổ thông	
13	28/7/2017	543.529.160.000	54.352.916	Cổ phần phổ thông	
14	10/4/2018	873.529.160.000	87.352.916	Cổ phần phổ thông	
15	12/6/2018	898.529.160.000	89.852.916	Cổ phần phổ thông	
16	12/12/2018	943.445.620.000	94.344.562	Cổ phần phổ thông	
17	10/06/2019	1.138.477.420.000	113.847.742	Cổ phần phổ thông	
18	17/10/2019	1.195.388.930.000	119.538.893	Cổ phần phổ thông	
19	25/01/2021	1.254.390.050.000	125.439.005	Cổ phần phổ thông	
20	14/01/2022	1.574.390.050.000	157.439.005	Cổ phần phổ thông	

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

5.5. Các chứng khoán khác

Trong năm 2024, Công ty triển khai 01 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với thông tin cụ thể như sau:

- Tổng số lượng trái phiếu thực tế phát hành: 1.200 Trái phiếu
- Tổng giá trị trái phiếu thực tế phát hành: 120.000.000.000 đồng
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm bằng tài sản, không phải là nợ thứ cấp.

- Kỳ hạn: Tối đa 18 tháng kể từ ngày phát hành

- Ngày phát hành: 21/10/2024

- Ngày đáo hạn: 21/04/2026

- Mục đích phát hành: Cơ cấu lại nợ của Công ty.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, FECON hiểu rằng bên cạnh những đóng góp để phát triển kinh tế đất nước, các doanh nghiệp trong ngành cũng có những tác động đến môi trường tự nhiên thông qua hoạt động kinh doanh. Cụ thể, các doanh nghiệp trong ngành đã tiêu thụ khối lượng không nhỏ nguyên vật liệu, thải ra môi trường lượng lớn khí CO₂ - tác nhân của vấn đề hiệu ứng nhà kính. Để đảm bảo hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh đạt chuẩn,

không tác động xấu đến môi trường, Công ty đã tiến hành quan trắc môi trường lao động trong năm 2024, kết quả ghi nhận như sau:

Vi khí hậu

- Tổng số mẫu nhiệt độ: 30 mẫu
- Tổng số mẫu nhiệt độ không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu
- Tổng số mẫu độ ẩm: 30 mẫu
- Tổng số mẫu độ ẩm không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu
- Tổng số mẫu tốc độ gió: 30 mẫu
- Tổng số mẫu tốc độ gió không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

⇒ Tại thời điểm đo, các mẫu vi khí hậu đo được tại các vị trí đều nằm ở mức giới hạn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT.

Ánh sáng

- Tổng số mẫu ánh sáng: 30 mẫu
- Tổng số mẫu ánh sáng không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

⇒ Tại thời điểm đo, các mẫu ánh sáng nằm dưới mức giới hạn cho phép theo QCVN 22:2016/BYT.

Tiếng ồn

- Tổng số mẫu ồn chung: 30 mẫu
- Tổng số mẫu ồn chung không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

⇒ Tại thời điểm đo, các mẫu tiếng ồn đo được nằm dưới mức giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT.

Bụi

- Tổng số mẫu bụi toàn phần: 30 mẫu
- Tổng số mẫu bụi toàn phần không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

⇒ Tại thời điểm đo, nồng độ bụi toàn phần ở dưới mức giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT.

Hơi khí độc

- Tổng số mẫu CO₂: 30 mẫu.
- Tổng số mẫu CO₂ vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.

⇒ Nồng độ các hơi khí điểm chỉ tại thời điểm đo đều nằm ở mức giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

FECON luôn quan tâm, chú trọng đến việc lựa chọn vật liệu và công nghệ thi công phù hợp với từng dự án đảm bảo yếu tố giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Đặc biệt, FECON là doanh nghiệp tiên phong trong nghiên cứu công nghệ xây dựng tiên tiến, công nghệ xanh thân thiện với môi trường. Từ năm 2011 đến nay, FECON đã tổ chức 5 lần Hội nghị quốc tế GEOTEC Hà Nội. Đây là sân chơi để các nhà khoa học, các nhà làm chuyên môn giao lưu, học hỏi để tìm ra giải pháp tối ưu cho bài toán ứng dụng công nghệ phù hợp để mỗi công trình đảm bảo 3 tiêu chí an toàn bền vững, thân thiện môi trường với giá thành thấp nhất. Nhiều công nghệ mới liên quan đến thiết kế thi công nền móng, công trình ngầm, chống sạt lở và hạ tầng đã được FECON triển khai đưa vào thi công thực tế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Xây dựng là một trong những ngành tiêu thụ năng lượng rất lớn, ở hầu hết các giai đoạn trong chu trình sống của công trình. Do đó tại các dự án, Công ty luôn đề cao tinh thần tiết kiệm, tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên, tắt điện khi không sử dụng.

Tại khối văn phòng, công tác tiết kiệm năng lượng cũng được triển khai hiệu quả. Công ty vận động cán bộ nhân viên chủ động tiết kiệm năng lượng bằng việc tắt máy tính làm việc khi ra về, tắt các bóng đèn không cần thiết tại khu vực hành lang, nhà vệ sinh... Bằng những hành động nhỏ, Công ty mong muốn sẽ hình thành ý thức bảo vệ môi trường và lối sống tích cực trong Công ty nói riêng và xã hội nói chung.

6.4. Tiêu thụ nước

FECON thấu hiểu nước sạch là nguồn tài nguyên có hạn, vai trò của nước là nền tảng cho tất cả các khía cạnh của cuộc sống và là cốt lõi của sự phát triển bền vững. Do đó, trong hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh, Công ty luôn nêu câu khẩu hiệu tránh lãng phí nước sạch, tiết kiệm và tái sử dụng nước khi có thể. Tinh thần này nhận được sự hưởng ứng của số đông cán bộ nhân viên trong hệ thống.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không.*
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a. *Số lượng lao động và mức lương trung bình đối với người lao động:*
 - Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2024 là 1.330 người
 - Mức lương trung bình đối với người lao động: 24,76 triệu đồng/tháng (theo mức lương trung bình toàn Tập đoàn đối với nhân sự định biên).
- b. *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động bao gồm:*

Chính sách nhân sự mới được sửa đổi bổ sung và ban hành bản cập nhật của năm 2024, sau gần một năm ban hành chính sách nhân sự năm 2023, trong đó không áp dụng hệ số KPI/OGSM vào tính thưởng hiệu suất trong công thức tính thu nhập tháng và điều chỉnh hệ số thưởng hiệu quả cuối năm (KCT) nhằm ghi nhận sự đóng góp và gắn bó của người lao động đối với FECON.

Thỏa ước lao động tập thể được bổ sung phụ lục với 02 chương trình mới: Chương trình quà tặng thường niên cho Khối công trường với hiện vật là vành mũ và khăn trùm che nắng được tặng trong năm 2024 và Chương trình tích lũy ngày công cho Khối công trường được triển khai.

Quy tình đồng đội, các hoạt động an sinh, trách nhiệm xã hội của Công ty đối với từng cá nhân và gia đình người lao động (ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, gia đình khó khăn), các hoạt động đoàn thể (nhân dịp 08/03, 20/10, Tết thiếu nhi, Trung thu...), các chương trình tôn vinh cá nhân, tập thể (thường danh hiệu, thường sáng kiến...) vẫn được Công ty duy trì hàng năm.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Số giờ đào tạo năm 2024: 34.369 giờ, tương đương 37 giờ/người/năm.

Trong năm 2024, hoạt động kinh tế xã hội trong nước vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp, các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển văn hóa doanh nghiệp, các hoạt động nghiên cứu phát triển và cải tiến kỹ thuật, hoạt động hội nhập quốc tế vẫn được Công ty chú trọng duy trì để hướng tới kết quả khả quan hơn trong năm 2025 và các năm tiếp theo, đặc biệt thể hiện quyết tâm xây dựng một doanh nghiệp mạnh & bền vững trong dài hạn.

Các chương trình đào tạo phát triển trọng tâm như Đào tạo TBM, Hội thảo kỹ thuật,... đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, thể hiện rõ qua sự cải thiện năng suất và hiệu quả công việc. Những chương trình này cũng giúp nhân viên tăng cường khả năng thích ứng với các thay đổi trong tổ chức, đặc biệt trong bối cảnh FECON mở rộng phạm vi và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, đào tạo nhóm nhân sự tiềm năng giúp xây dựng đội ngũ kế cận, đảm bảo sự ổn định lâu dài cho tổ chức.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Luôn kiên định với phương châm không ngừng học hỏi và sáng tạo để mang lại giá trị bền vững cho xã hội, FECON tự hào khi hai lần liên tiếp được vinh danh với giải thưởng Thương hiệu Quốc gia (năm 2022, năm 2024). Đồng thời, doanh nghiệp cũng ghi dấu ấn khi góp mặt trong Top 10 Nhà thầu xây dựng uy tín năm 2024 (theo Vietnam Report). Không chỉ tập trung vào mục tiêu kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng lợi nhuận, FECON còn nỗ lực đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, nâng cao an sinh xã hội và chung tay xây dựng đất nước thông qua nhiều hoạt động cộng đồng ý nghĩa..

Trong năm 2024, FECON nối dài hành trình đóng góp vì cộng đồng như: tài trợ trao hơn 100 suất quà cho các cháu thiếu nhi, học sinh nghèo vượt khó, các em đạt thành tích cao trong năm học vừa qua cùng với đó là kinh phí hỗ trợ mua sắm trang thiết bị dạy học và đồ dùng học tập tại Trường Mầm non Yên Phú (Nam Định); đến thăm cán bộ chiến sĩ biên phòng và trao áo ấm cho trẻ em vùng cao tại xã biên giới Mù Cà (Lai Châu); khánh thành công trình lan can phòng

chống đuối nước cho trẻ em tại xã Yên Phú (Nam Định); đồng hành cùng sự kiện “Chạy vì trái tim 2024” với vai trò là Nhà tài trợ Kim Cương.

FECON còn tích cực tham gia và đóng góp vào các hoạt động công tác xã hội khác như: tri ân các gia đình có công với Cách mạng, dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, hiến máu nhân đạo,...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện FECON chưa triển khai đợt huy động vốn xanh. Công ty đang nghiên cứu tiềm năng của thị trường này để sớm triển khai trong thời gian tới.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024 tiếp tục là một giai đoạn đầy thách thức đối với ngành xây dựng, chịu tác động sâu sắc từ các biến động kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế. Trước bối cảnh đó, FECON đã chủ động triển khai quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ, trong đó có sự thay đổi về nhân sự cấp cao tại Ban Tổng Giám đốc từ tháng 7/2024. Sự cộng hưởng giữa những khó khăn của thị trường và quá trình chuyển giao công tác điều hành cùng những nhiệm vụ chủ chốt đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024.

Mặc dù doanh số đạt 69% kế hoạch và doanh thu từ hoạt động thi công hoàn thành 84% kế hoạch năm, FECON vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 17% so với cùng kỳ năm trước. Một điểm sáng đáng chú ý trong năm 2024 là sự đóng góp tích cực từ doanh thu hoạt động tài chính trong lĩnh vực đầu tư, góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành xây dựng, Công ty mẹ và các đơn vị hợp nhất vẫn duy trì hoạt động có lãi. Đây là minh chứng rõ nét cho những nỗ lực không ngừng của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên trong việc thích ứng với những biến động khó lường của thị trường. Đồng thời, Công ty cũng đã chủ động triển khai các phương án tái cơ cấu các khoản vay, cũng như tối ưu hóa vận hành các dự án chưa thể chuyển nhượng nhằm giảm thiểu chi phí tài chính. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực khu đô thị và khu công nghiệp đang được tích cực triển khai, bước đầu mang lại những kết quả đáng khích lệ, tạo tiền đề vững chắc cho sự bứt phá trong năm 2025.

Năm 2024, FECON ghi danh với nhiều giải thưởng uy tín khi lần thứ 2 được xướng tên tại Chương trình Thương hiệu Quốc gia với sản phẩm dịch vụ Xây dựng Hạ tầng Ngầm và tiếp tục duy trì Giải thưởng Top 10 Nhà thầu Xây dựng uy tín năm thứ 7 liên tiếp do Vietnam Report vinh danh.

Với công tác tổ chức nhân sự, FECON liên tục nhận về những danh hiệu: TOP 1 Nơi làm việc tốt nhất ngành Kiến trúc/Xây dựng, khối Doanh nghiệp vừa năm 2024, TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 Khối doanh nghiệp Vừa (theo báo cáo của Anphabe)... Những giải thưởng này là sự ghi nhận khách quan của thị trường và các tổ chức bình chọn uy tín, là minh chứng cho những giá trị tốt đẹp của FECON mang lại trong suốt 20 năm qua; đồng thời là thành quả của mỗi CBNV công ty, cùng xây dựng nên một tập thể FECON vững mạnh và phát triển bền vững.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	6.137	6.370	3,8
Tài sản dài hạn	2.445	3.336	36,5
Tổng tài sản	8.581	9.706	13,1

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024)

Tài sản ngắn hạn tăng 233 tỷ đồng (+3,8%) chủ yếu do chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn tăng 445 tỷ đồng (+12,2%), phải thu ngắn hạn chưa có sự cải thiện so với cùng kỳ do còn tồn đọng một số sản lượng hạng mục thi công của Công ty chưa được chủ đầu tư/tổng thầu thanh toán, nguyên nhân chính là do tình hình thị trường năm 2024 vẫn khó khăn đã tác động đến tình hình tài chính của các đơn vị này.

Tài sản dài hạn trong kỳ tăng 891 tỷ đồng (+36,5%), tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh 977 tỷ đồng (+1.781,6%), nguyên nhân là các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn tăng 971 tỷ đồng (+4.019,6%) do hoạt động đầu tư vào các dự án lớn của Tập đoàn.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	4.319	4.809	11,3
Nợ dài hạn	901	1.529	69,8
Nợ phải trả	5.220	6.338	21,4

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024)

Nợ phải trả trong kỳ tăng 1.118 tỷ (+21,4%) do chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính dài hạn, chi phí phải trả ngắn hạn tăng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban điều hành mới được ra mắt vào tháng 7/2024 với cơ cấu các vị trí trong Ban điều hành nhằm đảm bảo đáp ứng mục tiêu và chiến lược đề ra của Công ty. Công ty cũng tiến hành tối ưu phân công nhiệm vụ các vị trí trong Ban Tổng giám đốc từ ngày 1/11/2024.

Bên cạnh đó, Bảng phân quyền được cập nhật theo mô hình sơ đồ tổ chức khối chức năng từ tháng 7/2024; hệ thống quy trình lõi cũng được ban hành cập nhật vào tháng 10/2024; Chính sách nhân sự được cập nhật và điều chỉnh phù hợp.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Năm 2025, thị trường xây dựng được dự báo sẽ phục hồi dần và phát triển mạnh mẽ hơn để hướng tới nhiều cơ hội bứt phá hơn. HĐQT sẽ đôn đốc, giám sát Ban điều hành công ty thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Với các dự án bản lề có quy mô lớn đã được ký kết trong nửa cuối năm 2024 ở các lĩnh vực công nghiệp năng lượng, cảng biển, xử lý nước thải, công trình ngầm và dân dụng, Ban điều hành công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 đề xuất	Tăng trưởng theo KH đề xuất
Doanh thu hợp nhất	tỷ đồng	3.375	5.000	48%
Doanh thu Công ty mẹ	tỷ đồng	2.367	3.000	27%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	tỷ đồng	30	200	565%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	tỷ đồng	7	60	807%
LNST của cổ đông Công ty mẹ	tỷ đồng	9	179	1.834%
EPS hợp nhất	đồng/CP	59	1.139	1.831%

Kế hoạch kinh doanh này được dự báo trên cơ sở các dự án đã ký hợp đồng đến thời điểm báo cáo và khối lượng chuyển tiếp từ năm 2024, đồng thời căn cứ vào xác xuất trúng thầu của các dự án thi công trong danh mục các dự án đang phát triển mới hoặc chờ kết quả đấu thầu.

Về lĩnh vực đầu tư, Tập đoàn sẽ đôn đốc FECON Invest tập trung nguồn lực để triển khai mạnh mẽ quyết liệt 2 dự án gồm Dự án khu đô thị Square City tại Thành phố Phủ Yên, Thái Nguyên và Dự án Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoan Bái, Bắc Giang để mang lại doanh thu và lợi nhuận bứt phá cho FECON Invest nói riêng và hợp nhất lên Tập đoàn để đảm bảo lợi nhuận hợp nhất tối thiểu theo bảng kế hoạch kinh doanh nêu trên. Bên cạnh đó FECON Invest sẽ đôn đốc Công ty cổ phần FECON Hòa Yên triển khai các thủ tục cần thiết để giải phóng mặt bằng và khởi công Dự án Khu công nghiệp Hòa Yên tại Hiệp Hòa và Việt Yên- Bắc Giang vào quý IV/2025.

Đối với các dự án trong danh mục đang phát triển mới, FECON Invest tiếp tục bám sát để hoàn thành các bước tiếp theo tại từng dự án trong danh mục, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư đồng thời tìm kiếm các nhà đầu tư phù hợp để hợp tác hiện thực hóa các cơ hội đầu tư.

Danh mục dự án đang nghiên cứu phát triển và triển khai đầu tư:

DỰ ÁN	TMBT DỰ KIẾN (tỷ đồng)	% FECON DỰ KIẾN	GHI CHÚ
1. DỰ ÁN HOÀN THÀNH PHÁP LÝ ĐẦU TƯ			
1 Khu đô thị Square City (Thành phố Phố Yên)	3.064	100.0%	Đang tiến hành thi công xây dựng, triển khai kinh doanh bán hàng vào năm 2025
2 Cụm CN Danh Thắng - Đoàn Bái	954	51.0%	Đang thực hiện GPMB, dự kiến khởi công xây dựng vào Quý II/2025
3 Khu Công nghiệp Hòa Yên	3.700	51.0%	Đang thực hiện lập báo cáo ĐTM, Báo cáo NCKT và TKCS
4 Dự án điện gió QVST 30MW	1.500	51.0%	Đang vận hành khai thác
5 Dự án BOT tuyến tránh Phù Lý	2.050	24.2%	Đang vận hành khai thác
6 Dự án khu du lịch sinh thái tại Cao Bằng		97.2%	Quy mô đất 82 ha Đang trong giai đoạn tìm kiếm NĐT để chuyển nhượng.
2. DỰ ÁN ĐANG PHÁT TRIỂN MỚI			
1 Dự án khu đô thị tại Hưng Yên	16.000		Diện tích đất 218 ha Dự án đã được phê duyệt quy hoạch 1/500. Hiện đang triển khai các công tác để đạt pháp lý đầu tư trong năm 2025.
2 Các dự án BĐS đô thị và CN khác			Tổng quy mô đất 340 ha Tập trung phát triển các dự án BĐS đô thị hiệu quả tại các đô thị vệ tinh, các dự án theo định hướng TOD và các dự án BĐS công nghiệp tiềm năng.
3 Các dự án năng lượng			Tổng quy mô công suất 730MW Nghiên cứu đầu tư phát triển điện mặt trời tại Bình Thuận, điện gió tại Gia Lai, Vũng Tàu,...
4 Các dự án hạ tầng giao thông gắn BĐS theo mô hình TOD			1 tuyến Metro tại Hà Nội và 1 tuyến Metro tại TP HCM hợp tác đối tác nước ngoài để xuất mô hình TOD, 1 dự án hầm đường bộ qua sông tại Đồng Nai.

3. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Như nội dung trình bày tại Mục II.6 của Báo cáo này.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Công tác điều hành và tổ chức

Công tác điều hành và tổ chức của FECON thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động với mô hình quản trị bao gồm Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGD). Bên cạnh đó, mô hình tiểu ban thuộc HDQT là Thường trực HDQT cũng đã cho thấy hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, gia tăng hiệu quả ra quyết định của HDQT với trách nhiệm và sự cẩn trọng, phát huy tính cơ động, kịp thời.

Dưới sự hỗ trợ, đồng hành và giám sát của HDQT, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực triển khai các chiến lược kinh doanh, hoàn thành thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT đã đề ra. Nhiều giải pháp điều hành linh hoạt đã được triển khai nhằm củng cố các lợi thế cạnh tranh cốt lõi thông qua tối ưu hóa quy trình báo cáo, giao tiếp công việc qua các nền tảng công nghệ. Trong năm 2024, Công ty cũng chú trọng hơn đến các thay đổi và cải tiến nhằm nâng cao năng lực thi công, năng lực quản lý dự án,... hướng tới đáp ứng nhu cầu trong thời gian sắp tới.

Việc củng cố, cải tiến công tác điều hành và nâng cao năng lực thi công là điều kiện cần thiết để Công ty triển khai thành công các dự án trong danh sách chờ đã ký kết trong năm 2024 với tổng giá trị hợp nhất 4.473 tỷ đồng. Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, công tác phát triển kinh doanh hoàn thành 69% mục tiêu đề ra đã thể hiện sự tin tưởng của các đối tác vào năng lực thi công và uy tín của FECON.

1.2. Hoạt động kinh doanh

Kết thúc năm 2024, tổng tài sản Tập đoàn đạt 9.706 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất đạt 3.375 tỷ đồng đạt 84% kế hoạch, hầu hết các công ty thành viên trong hệ thống ghi nhận kết quả cải thiện hơn so với năm trước trong bối cảnh thị trường và các khách hàng, chủ đầu tư vẫn gặp nhiều khó khăn, giúp lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 30 tỷ đồng. Mặc dù lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 441 tỷ đồng không có sự thay đổi lớn so với cùng kỳ, Công ty đã kiểm soát tốt điều chỉnh giảm khoảng 48 tỷ tổng hợp chi phí tài chính, quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng so với năm 2023. Kết quả này cho thấy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như các hoạt động đầu tư đã dần cải thiện trong năm vừa qua.

Về lĩnh vực thi công: Trong năm 2024, FECON tiếp tục triển khai và hoàn thành các hợp đồng dự án đã ký từ năm 2023 và các năm trước như: Dự án Metro Line 3 Hà Nội, Dự án điện khí Nhơn Trạch 3,4 Đồng Nai, Dự án nhiệt điện Vũng Áng 2 Hà Tĩnh, Dự án A09 số 10 Trần Kim Xuyên Hà Nội, Dự án A06 Khu đô thị Starlake Hà Nội, Dự án Vũ Yên Vinhomes Hải Phòng,... Các dự án lớn mới ký kết hợp đồng đầu năm 2024 đã triển khai gồm Trụ sở Công An tỉnh Quảng Ninh, Dự án hạ tầng Cảng Lạch Huyện 5-6, Dự án Cảng Mỹ Thủy, Khu công nghiệp

Đồng Văn 3, Khu đô thị Hà Khánh, Khu đô thị Nam Thái,... là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh thị trường xây dựng cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp chỉ xác định mục tiêu có dự án để tồn tại qua giai đoạn khó khăn thay vì mục tiêu lợi nhuận.

Về lĩnh vực đầu tư dự án: Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý liên quan các dự án đầu tư, năm 2024 FECON vẫn tiếp tục thúc đẩy và duy trì các hoạt động đầu tư dự án bao gồm triển khai các dự án đã đầy đủ điều kiện đầu tư và tiếp tục phát triển các dự án tiềm năng trong danh mục đã theo đuổi từ 3-4 năm trước. Ngoài 02 dự án Khu đô thị Square City Phố Yên và Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái Bắc Giang Công ty đã hoàn thành thủ tục pháp lý và xác lập chủ quyền Chủ đầu tư cho dự án Khu Công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang với quy mô 256,68 ha vào tháng 11/2024. Đây là một điểm sáng trong công tác phát triển dự án năm 2024 góp phần quan trọng vào danh mục các dự án Khu công nghiệp mà FECON sẽ triển khai đầu tư.

1.3. Trách nhiệm môi trường và xã hội

Luôn kiên định với phương châm không ngừng học hỏi và sáng tạo để mang lại giá trị bền vững cho xã hội, FECON tự hào khi hai lần liên tiếp được vinh danh với giải thưởng Thương hiệu Quốc gia (năm 2022, năm 2024). Đồng thời, doanh nghiệp cũng ghi dấu ấn khi góp mặt trong Top 10 Nhà thầu xây dựng uy tín năm 2024 (theo Vietnam Report).

Với tư cách là một doanh nghiệp xây dựng hàng đầu Việt Nam, hoạt động trên phạm vi rộng lớn cả trong và ngoài nước, FECON nhận thức sâu sắc về nhu cầu phát triển bền vững, đặc biệt là trên phương diện môi trường và xã hội. Công ty luôn đề cao tiết kiệm tối đa nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải ra môi trường. Chuỗi cung ứng luôn ưu tiên nghiên cứu sử dụng nguyên vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường.

Không chỉ tập trung vào mục tiêu kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng lợi nhuận, FECON còn nỗ lực đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, nâng cao an sinh xã hội và chung tay xây dựng đất nước thông qua nhiều hoạt động cộng đồng ý nghĩa..

Trong năm 2024, FECON nói dài hành trình đóng góp vì cộng đồng như: tài trợ trao hơn 100 suất quà cho các cháu thiếu nhi, học sinh nghèo vượt khó, các em đạt thành tích cao trong năm học vừa qua cùng với đó là kinh phí hỗ trợ mua sắm trang thiết bị dạy học và đồ dùng học tập tại Trường Mầm non Yên Phú, Nam Định; đến thăm cán bộ chiến sĩ biên phòng và trao áo ấm cho trẻ em vùng cao tại xã biên giới Mù Cạ, Lai Châu; khánh thành công trình lan can phòng chống đuối nước cho trẻ em tại xã Yên Phú, Nam Định; đồng hành cùng sự kiện “Chạy vì trái tim 2024” với vai trò là Nhà tài trợ Kim Cương.

FECON còn tích cực tham gia và đóng góp vào các hoạt động công tác xã hội khác như: tri ân các gia đình có công với Cách mạng, dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, hiến máu nhân đạo,...

2. Đánh giá hệ thống và hoạt động của Ban Tổng giám đốc

HDQT đánh giá Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã có nhiều nỗ lực xử lý các tồn tại, khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHCĐ và HDQT giao phó, bao gồm:

2.1. Đối với công tác vận hành tổ chức

Trong năm 2024, Công ty thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ và thay đổi sơ đồ phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc một cách căn bản để thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Để ứng phó được những biến đổi khó lường của thị trường mà vẫn đảm bảo được động lực tăng trưởng, Ban Tổng giám đốc đã tích cực và chủ động kết nối các nguồn lực Công ty mẹ và đơn vị thành viên để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể. Đặc biệt, việc triển khai hiệu quả Phân cấp thẩm quyền mới đã giúp công ty tối ưu quản lý nguồn lực các dự án đang được triển khai trong năm.

Hoạt động các cấp quản lý năm vừa qua đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận nhưng sự thay đổi, biến động nhân sự và sự thiếu hụt các vị trí quản lý cấp cao trọng yếu như Phó tổng giám đốc phụ trách Phát triển kinh doanh, Phó tổng giám đốc phụ trách thi công lĩnh vực Hạ tầng cũng tác động không nhỏ tới hiệu quả điều hành và sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Đối với công tác phát triển kinh doanh

Công tác phát triển kinh doanh ghi nhận những khó khăn thách thức từ thị trường, trong đó các lĩnh vực trọng tâm FECON có thể mạnh là dự án hạ tầng ngầm, dự án công nghiệp và năng lượng bị chậm triển khai chờ thay đổi cơ chế, các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm Chính phủ triển khai giai đoạn 1 đã trong giai đoạn thi công. Ban Tổng giám đốc đã linh hoạt ứng phó, đặc biệt phát huy hiệu quả phối hợp phát triển kinh doanh giữa Công ty mẹ và các đơn vị thành viên để tìm kiếm và phát triển các cơ hội dự án xây dựng dân dụng quy mô nhỏ hơn, đồng thời tập trung phát triển dự án hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và dự án cảng biển có quy mô phù hợp. Sự nỗ lực đó đã được ghi nhận bằng các hợp đồng tiêu biểu được ký kết trong Quý III, IV/2024 như: Dự án Cảng Mỹ Thủy, Khu công nghiệp Đồng Văn 3, Khu đô thị ngành than Hà Khánh, Dự án BRG Đà Nẵng, Dự án Toshin, Tòa nhà Maptree Starlake Hà Nội,...

2.3. Đối với công tác quản lý dự án

Năm 2024 ghi nhận sự tiến bộ đáng khích lệ trong công tác quản lý dự án khi Ban điều hành hoạt động với mô hình lấy quản lý dự án làm trung tâm phục vụ, các ban chức năng trong Công ty là khối back hỗ trợ hoạt động quản lý dự án vô điều kiện, thay cho cách làm chỉ giám sát và thẩm định trước đây. Sự tập trung và đồng lòng của Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý các hoạt động thi công được ghi nhận bằng kết quả doanh thu tăng trưởng vượt bậc vào 3 tháng cuối năm.

Tuy nhiên, hoạt động thi công dự án cũng còn tồn tại nhiều điểm cần khắc phục, thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý kế hoạch tổng thể, huy động máy móc, nhân sự, phối hợp nội bộ với những dự án quy mô lớn. Sự thiếu hụt kinh nghiệm và năng lực của các vị trí quản lý, đặc biệt là quản lý cấp trung và các vị trí trọng yếu như PM, SM, QS, QC trong ban điều hành dự án đã ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả quản lý và thi công dự án. Công tác quản lý chi phí của dự án có được cải thiện, nhưng biến động giá cả thị trường về vật liệu xây dựng và chi phí nhân công (đặc biệt sau ảnh hưởng của cơn bão Yagi tới các dự án trọng điểm phía Bắc) đã tạo nên những thách thức lớn đối với công tác quản lý chi phí dự án.

Kết quả hoạt động quản lý thi công nói chung được đánh giá là có cải thiện đáng ghi nhận về tăng năng suất sản lượng, nhưng cần cải thiện hơn nữa trong việc nâng cao hiệu quả, đặc biệt

là năng lực cung ứng và quản lý kinh tế dự án. Ban Tổng giám đốc cũng cần nỗ lực hơn nữa trong công tác hoàn thiện bộ máy và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ và kỹ sư quản lý dự án, đáp ứng yêu cầu trở thành Nhà thầu chính, Tổng thầu các dự án quy mô lớn (Cấp 1, Cấp Đặc biệt) theo định hướng Chiến lược của Công ty giai đoạn 2025 - 2030.

2.4. Đối với hoạt động tài chính

Từ nửa cuối năm 2024, kết quả kinh doanh của Công ty phục hồi đáng kể, giá trị hợp đồng ký mới và số lượng dự án cần triển khai tăng mạnh, FECON đã triển khai đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để tái cơ cấu các khoản nợ vay phải trả, góp phần hỗ trợ tăng cường dòng vốn cho hoạt động của Công ty. Kết quả của đợt phát hành trái phiếu đã thành công thu về 120 tỷ đồng cho thấy niềm tin của các nhà đầu tư vào uy tín và tiềm năng phát triển của FECON.

Công tác thu hồi công nợ đối với ngành xây dựng tiếp tục là điểm nghẽn cố hữu trong năm 2024 khi các chủ đầu tư và khách hàng là nạn nhân trực tiếp của suy thoái kinh tế. Công tác thu hồi công nợ đã được Ban lãnh đạo quyết liệt triển khai trong năm vừa qua với các hành động cụ thể như: quản trị rủi ro khi lựa chọn dự án, phân công cụ thể mỗi lãnh đạo phụ trách thu hồi một số khoản nợ nhất định, huy động lực lượng bên ngoài thu hồi nợ, đồng thời trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu, tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn phụ thuộc nhiều vào năng lực tài chính và khả năng huy động vốn của khách hàng nói riêng, tốc độ nóng lên của thị trường và sự nỗ lực hoàn thiện cơ chế chính sách của Chính phủ liên quan đến các dự án Bất động sản và các cơ chế đầu tư nói chung.

Công tác quản lý tài chính được cải thiện một phần nhờ sự nỗ lực thu tiền từ các dự án đang thi công, với hiệu quả đạt trên 90% trên sản lượng đã thực thi. Tuy nhiên, chưa có cải thiện rõ rệt từ tối ưu chi phí tài chính trong cơ cấu chi phí của Công ty, ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận của hoạt động thi công. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng cần được tối ưu hơn nữa để đáp ứng hoàn cảnh cạnh tranh giá ngày càng khốc liệt của thị trường xây dựng. Trong năm 2024, các dự án đầu tư đã bắt đầu mang dòng tiền và lợi nhuận về cho FECON, góp phần từng bước tiết giảm chi phí tài chính và tạo tiền đề triển khai các dự án tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2025

3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025

Năm 2025, thị trường xây dựng được dự báo sẽ phục hồi dần và phát triển mạnh mẽ hơn để hướng tới nhiều cơ hội bứt phá hơn. HĐQT sẽ đôn đốc, giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như đã trình bày ở mục III.4 của báo cáo này, đồng thời triển khai các hành động trọng yếu để thực hiện chiến lược kinh doanh và phát triển Công ty giai đoạn 2025-2030 như trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

3.2. Định hướng hoạt động, các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

a. Hoàn thành cập nhật chiến lược Công ty giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2040

Tập trung hoàn thành việc rà soát, xây dựng chiến lược giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn 2040 với tư duy mới, hành động mới, sẵn sàng bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong Quý I/2025, HĐQT đã đôn đốc, hỗ trợ, phản biện Ban Tổng Giám đốc để hoàn thành và công bố chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn 2040. Lựa chọn các hành động trọng yếu và các dự án chiến lược ưu tiên nhất để bắt tay vào triển khai ngay từ Quý II/2025 nhằm kịp thời đón đầu các cơ hội mang tính đột phá trong mảng đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, cảng biển và công trình công nghiệp, năng lượng quy mô lớn.

b. Nâng cao năng lực quản lý dự án và năng lực thi công trực tiếp

Nâng cao năng lực quản lý dự án thông qua đảm bảo hoàn thành kế hoạch phát triển năng lực đội ngũ của khối quản lý dự án (tuyển mới và phát triển đội ngũ năng lực hiện tại).

Triển khai các chương trình đào tạo toàn hệ thống, chuẩn bị nguồn lực cho các dự án trong chiến lược mảng Hạ tầng ngầm và Đường sắt tốc độ cao; thiết lập sổ tay thi công vận hành TBM; tuyển dụng đào tạo kỹ sư và công nhân sẵn sàng lực lượng thi công cùng một lúc 3 dự án đường sắt đô thị và 1 dự án đường sắt quốc gia.

Chuẩn bị lực lượng cán bộ và kỹ sư quản lý dự án để đáp ứng cùng một lúc quản lý 6 dự án xây dựng công nghiệp & năng lượng quy mô lớn và 3 dự án cảng biển, khu công nghiệp lấn biển hoặc logistic quy mô cấp 1 đến cấp đặc biệt.

Đẩy mạnh năng lực thi công các dự án thông qua quản lý kế hoạch (vận dụng tối đa PMS), quản lý hợp đồng, quản lý chi phí, giám sát triển khai thông qua văn phòng PMO.

Đảm bảo sự tham gia của các Ban dự án ngay từ công tác đấu thầu để kịp thời nắm bắt thông tin và tham vấn chuyên môn.

Cải thiện chuỗi cung ứng thông qua việc nâng cao năng lực quản lý cung ứng và đàm phán hợp đồng của Ban điều hành dự án; chú trọng đánh giá chất lượng nhà cung cấp/thầu phụ cung ứng cho dự án từ khâu đấu thầu; chủ động giải pháp cho vấn đề cung ứng trong quá trình triển khai dự án. Từng bước phát triển hệ sinh thái bền vững cho các mảng chiến lược của Tập đoàn luôn vững mạnh, đáp ứng những yêu cầu khó nhất của các dự án trọng điểm quốc gia và các dự án lớn có yêu cầu cao về chất lượng và tiến độ.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý dự án (tiến độ, sản lượng, chi phí) tại Tập đoàn và các đơn vị thi công chính; đảm bảo tính thời gian thực (real time) của các báo cáo.

Phát triển nguồn lực thi công trực tiếp của Tập đoàn thông qua đầu tư máy móc thiết bị đặc chủng & chủ lực, song song phát triển nguồn nhân lực thi công trực tiếp; tăng cường đội ngũ quản lý và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị tương ứng với tốc độ gia tăng thiết bị. Tổng mức đầu tư máy móc thiết bị dự kiến 91 tỷ, kế hoạch như sau:

STT	Tên tài sản	Công ty
1	Mua cũ, Loại SANY SR285R Chiều sâu khoan 94m, Đ/k khoan 2300mm hoặc SANY SR360R. Chiều sâu khoan 100m, Đ/k khoan 2500mm.	FMS
2	Mua cũ, loại Khoan SANY SR360R. Chiều sâu khoan 100m, Đ/k khoan 2500mm	
3	Máy khoan cọc nhồi XCMG220E	FPL
4	Máy xúc KOMATSU PC200-8	

STT	Tên tài sản	Công ty	
5	Tôn tấm		
6	Máy nén khí 670		
7	Cờ tường vây 600 x 15m		
8	Bộ ống đỡ D273		
9	Bộ cần cánh khuấy D950, cần trơn D273 (ĐVT: mét)		
10	Casing rotator ZRT160G		
11	Cần trục bánh xích ZCC550V 50T		
12	Đầu khoan CDM 2x90 Kw		FCIC
13	Cần khoan CDM (ĐVT: mét)		
14	Mũi khoan CDM D800		
15	Máy phát điện 400KVA		
16	Bơm vữa SG30		
17	Trạm trộn vữa 30m ³ /h		
18	Trạm trộn BTXM 90 m ³ /h		
19	Xe trộn bê tông 12m ³		
20	Ủi D41P-6		
21	Lu rung Hamm 3410		
22	Máy xúc PC200	FCS	
23	Máy khoan đá SANY		
24	Thiết bị thi công RAS/RAS construction Equipment		
25	Các thiết bị, vật tư cho hệ thống phụ trợ TBM/Auxiliary devices for TBM	FRU	

c. Nâng cao năng lực phát triển kinh doanh

Phát triển lực lượng nhân sự tinh nhuệ phục vụ công tác phát triển các dự án mũi nhọn. Hoàn thành kế hoạch tuyển dụng các vị trí chủ chốt liên quan đến công tác phát triển kinh doanh và đấu thầu đối với các mảng chiến lược chính.

Tối ưu giá đấu thầu, tăng cường đánh giá, sàng lọc dự án. Phân công hiệu quả và rõ ràng lãnh đạo phụ trách phát triển dự án và nhân sự tham gia phát triển dự án. Tăng cường đánh giá, tổng kết bài học kinh nghiệm sau khi đấu thầu, chào giá để tối ưu giá biện pháp thi công và chi phí so với hồ sơ mời thầu.

Xây dựng năng lực pháp lý của mảng Hạ tầng Công trình ngầm; xây dựng năng lực thiết kế (Engineering); xây dựng biện pháp và tổ chức thi công cho dự án hạ tầng công nghiệp mới (Đường sắt cao tốc, Hạ tầng ngầm), công nghiệp nặng và năng lượng. Bổ sung các năng lực chứng chỉ cần thiết phục vụ cho công tác đấu thầu và triển khai.

Xây dựng mạng lưới đối tác khách hàng chiến lược cho dự án hạ tầng công nghiệp mới (Đường sắt cao tốc, Hạ tầng ngầm), công nghiệp nặng và năng lượng. Liên danh liên kết với các tổng thầu hàng đầu Việt Nam và Tổng thầu EPC nước ngoài để tham gia đấu thầu.

Thực hiện nghiên cứu và triển khai M&A doanh nghiệp thi công hạ tầng để đáp ứng mục tiêu phát triển mảng chiến lược về hạ tầng công nghệ mới (Đường sắt cao tốc/ Đường sắt đô thị/ Công trình ngầm).

Tăng cường hiệu quả quản lý dữ liệu data phát triển kinh doanh, đảm bảo 100% đơn vị thành viên tuân thủ báo cáo đầy đủ và chính xác số liệu phát triển kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận gộp.

Tham gia vào các hoạt động Hội khoa học, nghề nghiệp để tăng sự kết nối, phát triển liên danh liên kết, tìm kiếm cơ hội hợp tác, đặc biệt ưu tiên các mảng công nghệ mới.

d. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính

Tăng cường tốc độ thu hồi công nợ thông qua: Thu hồi công nợ tồn đọng và khó đòi thông qua đa dạng hóa các biện pháp thu đòi công nợ, công nợ dự án đang triển khai; Đẩy nhanh tốc độ nghiệm thu;

Kiểm soát chi phí trực tiếp của dự án thông qua việc bảo vệ kế hoạch chi phí kịp thời và định kỳ cập nhật tỷ suất lợi nhuận dự án để có hành động kịp thời.

Đảm bảo tính thanh khoản của Công ty mẹ thông qua: Giám sát và tối ưu vốn lưu động; Phát triển thêm các đối tác tài chính, gia tăng hạn mức tín dụng ngân hàng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tài chính ngắn hạn/ trung dài hạn của các đơn vị thành viên và các dự án thi công trọng điểm trong năm 2025; Huy động vốn linh hoạt từ các cá nhân và tổ chức tín dụng khác.

Nâng cao năng lực đội ngũ tài chính kế toán Tập đoàn.

Tăng vốn thông qua tìm kiếm, hợp tác với đối tác chiến lược đáp ứng nhu cầu phát triển theo Chiến lược Tập đoàn.

Nâng cao hiệu quả đầu tư Tập đoàn thông qua: Thành lập và vận hành hiệu quả Ban đầu tư; sàng lọc, đánh giá, lựa chọn dự án đầu tư hiệu quả phù hợp với nguồn lực của Tập đoàn; quyết liệt thoái vốn tại các dự án đầu tư trong danh mục theo kế hoạch; nâng cao năng lực nhân sự Khối đầu tư Tập đoàn.

e. Tối ưu vận hành quản trị và nâng cao hiệu suất đội ngũ

Rà soát và xác định yêu cầu của tổ chức đối với đội ngũ quản lý cấp trung trở lên; cập nhật khung năng lực trên cơ sở mục tiêu chiến lược, quyết liệt đào tạo/thay thế những nhân sự chưa đáp ứng yêu cầu.

Phát triển năng lực đội ngũ lãnh đạo cấp cao và phát triển nguồn nhân lực chủ chốt; tập trung công tác tuyển dụng nhân sự chủ chốt, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kinh doanh và hoạt động sản xuất của Tập đoàn năm 2025.

Tối ưu hóa quản trị vận hành Tập đoàn thông qua thiết kế tổ chức rõ ràng, tổ chức vận hành theo các trung tâm sản sinh lợi nhuận.

Tối ưu hóa khung văn bản quản trị, nâng cao tính hệ thống và liên kết giữa văn bản quản trị Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Hoàn thiện, triển khai toàn diện các quy trình quản lý dự án và quản trị rủi ro dự án. Đẩy mạnh số hóa trong quản lý thi công dự án, tối ưu hiệu quả PMS, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời.

Hoàn thiện và tối ưu hiệu quả báo cáo quản trị thông minh, tăng cường tính đầy đủ, chính xác và minh bạch của dữ liệu, áp dụng yêu cầu báo cáo định kỳ hiện trạng lưu trữ và cung cấp

dữ liệu đảm bảo phục vụ nhu cầu quản trị của Tập đoàn tới các phòng ban/đơn vị cụ thể. Triển khai Dự án “Văn phòng, công trường không giấy” xây dựng một môi trường làm việc thông minh và tiết kiệm chi phí.

Triển khai các chương trình văn hoá doanh nghiệp, văn hóa gắn kết, lãnh đạo làm gương. Áp dụng các chương trình siết chặt kỷ luật, kỷ cương trên toàn hệ thống hướng tới văn hóa làm việc năng suất cao.

Với chức trách được phân công bởi ĐHĐCD, HĐQT cam kết đồng hành với Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các mục tiêu kinh doanh và kế hoạch hành động nêu trên trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực để tăng cơ hội kinh doanh, tăng năng suất lao động nhằm tới mục tiêu tối thượng là đảm bảo dòng tiền, tăng cao lợi nhuận và phát triển bền vững doanh nghiệp.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên trách	Không điều hành	Độc lập	TL sở hữu CP có quyền biểu quyết (%)	Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Số lượng chức danh TV HĐQT, quản lý tại công ty khác
1	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	√			3,18	Không	1
2	Ông Trần Trọng Thắng	PCT thường trực	√			0,42	Không	3
3	Ông Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch		√		0	Không	1
4	Ông Nguyễn Văn Thanh (*)	Thành viên	√			0,16	Không	3
5	Ông Hà Thế Lộng (**)	Thành viên			√	0,14	Không	0
6	Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên			√	0	Không	0
7	Bà Nguyễn	Thành viên				0	Không	0

STT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên trách	Không điều hành	Độc lập	TL sở hữu CP có quyền biểu quyết (%)	Số hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Số lượng chức danh TV HĐQT, quản lý tại công ty khác
	Thị Nghiênn (**)							
8	Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên		√		0	Không	1
9	Ông Hà Cửu Long (*)	Thành viên			√	0	Không	0

(*) : Thành viên HĐQT bổ nhiệm từ ngày 26/04/2024

(**) : Thành viên HĐQT miễn nhiệm từ ngày 26/04/2024

1.2. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Thường trực Hội đồng quản trị là một tiểu ban thuộc HĐQT, gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
3	Ông Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT

Thường trực HĐQT là cơ quan được HĐQT giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phục vụ công tác chỉ đạo giám sát điều hành hàng ngày, chịu trách nhiệm trước HĐQT về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Năm 2024, Thường trực HĐQT đã triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban Tổng giám đốc đáp ứng kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Thường trực HĐQT đã tích cực tham gia cùng với Ban Tổng giám đốc phát triển các dự án thi công và đầu tư có quy mô lớn, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ tồn đọng, khó đòi, mang lại những kết quả quan trọng cho Công ty.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT trong năm tuân thủ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Năm 2024, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường để giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và đưa ra chủ trương về tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác với các nội dung chính như sau:

Quý I/2024:

- Thông qua công tác tổ chức Hội nghị quốc tế GEOTEC HANOI 2023
- Miễn nhiệm người đại diện vốn tại Công ty FRU, THPT Ý Yên và chấm dứt HĐLĐ đối với ông Lê Quang Hanh
- Ủy quyền phần vốn của FECON tại trường THPT Ý Yên
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty cổ phần FECON Raito (FRU)
- Phê duyệt trả cổ tức năm 2022 bằng tiền
- Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 và Ngày đăng ký cuối cùng
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty cổ phần cọc và xây dựng FECON (FPL)
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng FECON (FCIC)
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty TNHH FECON Trung chính Myanmar (FTM)
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty cổ phần thiết bị FECON (FMS)
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty cổ phần FECON South (FCS)
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty cổ phần đầu tư FECON (FECON INVEST)
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty cổ phần khoáng sản FECON Hải Đăng (FECON Hải Đăng)
- Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần FECON tại Công ty TNHH xây dựng nền móng FECON Rainbow (FCR)

Quý II/2024:

- Đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029
- Thành lập Ban kiểm tra tư cách Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024
- Bầu các chức danh trong Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029
- Thành lập Thường trực Hội đồng quản trị
- Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách các lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của Công ty
- Bổ sung nhân sự Thường trực Hội đồng quản trị

- Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần FECON

Quý III/2024:

- Ban hành phân cấp thẩm quyền phê duyệt Công ty Cổ phần FECON
- Thôi giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành Công ty cổ phần FECON
- Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần FECON
- Bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần FECON
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Quý IV/2024:

- Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2024 sử dụng cổ phần sở hữu của FECON và Các Bên Bảo Đảm làm tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ đối với trái phiếu

- Thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ của SGDCKHN của trái phiếu Công ty cổ phần FECON

- Phê duyệt điều chỉnh phương án thanh toán phần cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Các thành viên HĐQT độc lập thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Nghị quyết phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT. Nhờ năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty nên đã có những đóng góp quan trọng trong các định hướng chiến lược cũng như hoạt động quản trị của Công ty, cụ thể như sau:

- Tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của HĐQT thông qua các hoạt động giám sát công tác phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, giám sát công bố thông tin, giám sát và kiểm soát báo cáo tài chính, giám sát giao dịch các bên liên quan,...

- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch trung hạn, đóng góp ý kiến cho sơ đồ tổ chức mới của Công ty; rà soát, sửa đổi một số chính sách quan trọng như: Chính sách khuyến khích kinh doanh, Chính sách nhân sự,...

- Phân tích, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn để từ đó đưa ra các chiến lược ứng phó kịp thời, hướng tới các tiêu chuẩn quản trị chuẩn mực và tiên tiến hơn. Đồng thời, các thành viên HĐQT độc lập cũng mang đến cái nhìn khách quan đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần gia tăng hiệu quả kiểm soát và quản trị rủi ro cho Công ty.

- Xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch, kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động quản trị điều hành hướng tới các mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động. Đặc biệt đối với công tác đầu tư dự án, các thành viên HĐQT độc lập đã cho ý kiến với trách nhiệm rất cao, tham gia phân biện cho các dự án và ý tưởng đầu tư.

Theo đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập, HĐQT đã thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật. HĐQT đảm bảo hoạt động Công ty an toàn, hiệu quả, tuân thủ Điều lệ, pháp luật và các quy định nội bộ khác, đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT đã tham gia khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, bao gồm: ông Phạm Việt Khoa, ông Trần Trọng Thắng, ông Hà Thế Lộng, ông Hà Cừ Long.

Các thành viên HĐQT khác cũng đã được tham gia các chương trình đào tạo, sự kiện về quản trị Công ty do các đơn vị có năng lực tổ chức, đồng thời tham dự các khóa đào tạo nội bộ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Công ty.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng Ban	26/04/2024 (*)	Cử nhân	0%
2	Trương Văn Bình	Thành viên	26/04/2024 (*)	Cử nhân	0%
3	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	26/04/2024 (*)	Thạc sỹ	0%

(*) Ngày 26/04/2024, theo kết quả tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua danh sách các ông bà có tên trong danh sách trên trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

Theo biên bản họp Ban kiểm soát ngày 02/05/2024, các thành viên trong Ban kiểm soát đã thống nhất bầu bà Nguyễn Thị Lan Hương giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, ông Trương Văn Bình và ông Nguyễn Tiến Thành giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

a. Phạm vi kiểm tra, giám sát

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban TGD bám sát thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; và

- Tham gia kiểm tra công tác kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm soát nội bộ tại Công ty mẹ cũng như ở các đơn vị thành viên trong hệ thống đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ quy định pháp luật và Tập đoàn;

b. Các hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát đã chủ động lập các kế hoạch công tác trong năm, phân công công việc tới các thành viên, đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo quy định; tổ chức họp và bầu Trưởng Ban kiểm soát khi có sự thay đổi các thành viên Ban kiểm soát;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT để kịp thời nắm bắt thông tin; và

- Tổ chức 04 phiên họp định kỳ theo Quý hàng năm với đầy đủ các thành viên tham dự, trong đó:

Kỳ họp	SL thành viên dự họp	Các nội dung chính trong các phiên họp hàng năm
Quý I.2024	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định báo cáo tài chính riêng và họp nhất cho năm tài chính 2023. Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát 2023, lập kế hoạch hoạt động 2024.
Quý II.2024	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định báo cáo tài chính riêng và họp nhất Quý I.2024. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. Họp bầu chức danh của các thành viên trong BKS. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn. Thảo luận, thống nhất danh sách đề cử danh sách đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024.
Quý III.2024	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định báo cáo tài chính riêng và họp nhất Quý II.2024. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn. Giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ hết Quý III.2024
Quý IV.2024	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định báo cáo tài chính riêng và họp nhất Quý III.2024. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn. Giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ hết Quý IV.2024; Đánh giá khả năng hoàn thành mục tiêu 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc năm 2024 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Giá trị (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị		
1	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.443.314.567
2	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	1.433.674.640
3	Ông Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch HĐQT	1.530.000.000
4	Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên độc lập HĐQT	604.444.440
5	Ông Hà Thế Lộng	Thành viên độc lập HĐQT	177.777.776
6	Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	906.666.668
7	Bà Nguyễn Thị Nghiênn	Thành viên HĐQT	198.399.999
8	Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT	562.902.377
9	Ông Hà Cửu Long	Thành viên độc lập HĐQT	426.666.664
II	Ban Kiểm soát		
1	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng Ban	1.524.880.473
2	Ông Trương Văn Bình	Thành viên	371.675.000
3	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	453.333.332
III	Ban Điều hành		
1	Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc	1.155.000.000
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng giám đốc điều hành	1.839.027.694
3	Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc	1.674.917.673
4	Ông Trần Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc	545.230.770
5	Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	1.827.068.077

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Ông Hà Thế Lộng	Người nội bộ	253.893	0,16	213.693	0,14	Bán cổ phiếu

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Đối với giao dịch với bên có liên quan, trong đó có các giao dịch với các công ty con trong nhóm Công ty, FECON tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty về việc xin chấp thuận nội bộ của các cấp có thẩm quyền phù hợp với giá trị và loại hình giao dịch.

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh giao dịch, hợp đồng nào thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHCĐ. Đối với các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, Công ty thực hiện các thủ tục phù hợp chủ trương của HĐQT tại Nghị quyết số 31A/2020/NQ-HĐQT.FECON ngày 12/5/2020 (thời hạn áp dụng từ ngày 12/5/2020 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT (26/04/2024)) và Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT ngày 22/5/2024 (thời hạn áp dụng từ 01/05/2024) về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch (hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng khác,...) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm ký hợp đồng/điễn ra giao dịch giữa Công ty với bên liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Năm 2024, Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan và các quy định nội bộ của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 của Công ty được đính kèm Báo cáo Thường niên này.

Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2024 của Công ty được công bố tại đường link sau: <https://fecon.com.vn/bao-cao-tai-chinh/>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BOMA, TCKT, VT.



PHẠM VIỆT KHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NOI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 57

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Hà Cửu Long	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Hà Thế Lộng	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên độc lập (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Nghiên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Trương Văn Bình	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)
	Phó Tổng Giám đốc (Trước ngày 05/7/2024)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/7/2024)
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 05/7/2024)
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 05/7/2024)
Ông Trần Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành, ✓



Phạm Việt Khoa

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: 277/2025/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần FECON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Tiên
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 5276-2021-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+120+130+140+150)	100		6.369.718.313.734	6.136.596.079.496
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	472.986.710.028	701.731.891.550
1. Tiền	111		384.628.938.995	542.225.987.848
2. Các khoản tương đương tiền	112		88.357.771.033	159.505.903.702
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	28.079.802.760	24.655.423.033
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		28.079.802.760	24.655.423.033
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.076.944.199.950	3.632.110.730.533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.080.976.643.373	1.889.554.794.645
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	835.605.820.583	692.867.910.134
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	9.084.060.000	8.284.060.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.154.130.266.630	1.044.034.676.390
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.099.989.747)	(3.878.109.747)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.247.399.111	1.247.399.111
IV. Hàng tồn kho	140		1.682.936.437.287	1.680.601.634.602
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.682.936.437.287	1.680.601.634.602
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		108.771.163.709	97.496.399.778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	60.107.671.766	45.923.029.209
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.875.084.363	50.414.494.826
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	13.788.407.580	1.158.875.743
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		3.336.343.645.945	2.444.854.548.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		121.193.461.871	120.155.328.362
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	99.534.466.986	99.534.466.986
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	21.658.994.885	20.620.861.376
II. Tài sản cố định	220		1.581.842.338.957	1.716.276.085.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.373.431.636.979	1.543.790.736.883
- Nguyên giá	222		2.094.419.806.566	2.178.786.544.887
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(720.988.169.587)	(634.995.808.004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	186.557.446.801	147.226.189.085
- Nguyên giá	225		228.700.164.137	196.098.527.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(42.142.717.336)	(48.872.338.294)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	21.853.255.177	25.259.159.088
- Nguyên giá	228		60.096.304.749	58.030.438.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.243.049.572)	(32.771.279.454)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.032.114.108.603	54.852.362.297
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.7	994.808.848.694	24.148.330.045
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	37.305.259.909	30.704.032.252
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	452.503.584.219	414.211.405.648
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		368.242.618.772	329.176.403.201
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		80.810.027.447	80.810.027.447
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.450.938.000	4.224.975.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		148.690.152.295	139.359.367.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	107.592.283.816	90.304.495.462
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.013.713.555	1.696.473.727
4. Lợi thế thương mại	268	5.13	38.084.154.924	47.358.397.993
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		9.706.061.959.679	8.581.450.628.041

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		6.338.037.721.040	5.219.658.470.260
I. Nợ ngắn hạn	310		4.808.696.076.470	4.319.113.180.277
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	809.023.343.592	873.889.742.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	722.292.929.488	986.763.840.993
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	361.017.162.630	58.362.689.189
4. Phải trả người lao động	314		39.297.988.998	35.342.030.144
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	359.497.220.236	169.715.341.118
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	128.039.418.675	119.270.212.589
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	2.380.916.619.819	2.066.715.367.800
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.611.393.032	9.053.955.495
II. Nợ dài hạn	330		1.529.341.644.570	900.545.289.983
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.14	14.053.977.693	18.651.420.827
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.601.779.566	2.972.316.086
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	1.510.667.103.323	878.921.553.070
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		18.783.988	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.368.024.238.639	3.361.792.157.781
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	3.368.024.238.639	3.361.792.157.781
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		517.556.564.217	517.556.564.217
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.039.280.000	10.039.280.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	8.387.459
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		348.553.075.419	347.341.874.996
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		232.406.012	232.406.012
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.538.789.870	51.175.948.576
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.269.780.987	83.272.265.613
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.269.008.883	(32.096.317.037)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		860.714.073.121	861.047.646.521
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.706.061.959.679	8.581.450.628.041
(440 = 300+400)				

Người lập



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.374.697.356.483	2.879.566.997.423
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.374.697.356.483	2.879.566.997.423
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.933.955.135.880	2.394.328.083.603
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		440.742.220.603	485.238.913.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	85.714.482.521	23.388.527.153
7. Chi phí tài chính	22	6.4	232.156.139.621	287.326.724.280
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>214.558.628.900</i>	<i>259.892.439.574</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.274.215.571	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	25.909.538.516	20.805.481.640
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	211.357.170.803	209.250.376.902
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		61.308.069.755	(8.755.141.849)
12. Thu nhập khác	31	6.6	19.197.898.265	13.475.400.525
13. Chi phí khác	32	6.6	21.447.228.712	22.894.967.219
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(2.249.330.447)	(9.419.566.694)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		59.058.739.308	(18.174.708.543)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	30.286.630.827	23.818.270.837
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.298.455.841)	96.235.739
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		30.070.564.322	(42.089.215.119)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.269.008.883	(32.096.317.037)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.801.555.439	(9.992.898.082)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	59	(221)

Người lập



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.058.739.308	(18.174.708.543)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		168.033.461.924	169.067.561.375
- Các khoản dự phòng	03		221.880.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		569.082.240	5.131.969.605
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(69.519.640.466)	(8.170.491.707)
- Chi phí lãi vay	06		214.558.628.900	259.892.439.574
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		372.922.151.906	407.746.770.304
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(433.408.544.957)	(512.770.028.392)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.334.802.685)	(14.703.624.530)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		158.700.188.334	795.507.994.317
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(31.472.430.911)	10.435.547.461
- Tiền lãi vay đã trả	14		(204.698.075.239)	(239.396.450.825)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.365.792.458)	(29.826.991.226)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.370.945.253)	(6.595.008.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(171.028.251.263)	410.398.208.212
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.016.903.576.268)	(127.443.696.377)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		80.464.913.338	16.775.517.173
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.298.890.419)	(21.879.644.033)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.781.375.452	54.595.808.146
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.100.000.000)	(213.591.770.744)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.400.000.000	292.114.880.607
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.237.065.403	5.252.313.094
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(881.419.112.494)	5.823.407.866

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		629.000.000	56.740.200.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.636.816.598.933	2.943.729.378.672
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.742.096.622.137)	(2.772.268.469.181)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(55.846.316.760)	(64.858.501.180)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.805.803.454)	(53.513.703.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		823.696.856.582	109.828.904.511
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(228.750.507.175)	526.050.520.589
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	701.731.891.550	174.638.758.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.325.653	1.042.612.812
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	472.986.710.028	701.731.891.550

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thu Trang

Phạm Văn Tùng

Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FECON được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2024 là 1.373 lao động (tại ngày 31/12/2023 là 1.115 lao động)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp					
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần công trình ngầm FECON RAITO)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	86,14%	99,93%	93,17%
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	93,50%	93,50%	93,50%
FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO (trước đây là Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	14,29%	99,99%	91,87%
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	64%	99,999%	96,59%
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	48,997%	99,997%	95,85%

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con gián tiếp					
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1 (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm		99,89%	93,40%
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc		99,89%	93,40%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh		97,22%	88,01%
Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam và Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.		51,00%	47,85%
Công ty Cổ phần FECON Hiệp Hòa (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Giang	Kinh doanh bất động sản		55,00%	49,79%
Công ty Cổ phần FECON Phố Yên (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Thái Nguyên	Kinh doanh bất động sản		55,00%	49,79%
Công ty Cổ phần GF Homes (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Đồng Tháp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO)	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	0,02%	99,98%	51,00%
Công ty liên kết gián tiếp					
Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	Bắc Giang	Kinh doanh bất động sản		36,00%	32,59%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Hà Nội	Xây dựng		24,20%	21,91%
Công ty cổ phần FECON Miltec	Long An	Thiết kế và thi công xử lý nền đất yếu		49,20%	48,98%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý		49,10%	45,11%
Công ty Cổ phần GF Land Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản		36,00%	32,59%

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Đầu tư FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị FECON, Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON, Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, FECON Trung Chính Myanmar, Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam, Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng, Công ty Cổ phần FECON Hiệp Hòa, Công ty Cổ phần FECON Phố Yên, Công ty Cổ phần GF Homes và Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2024.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 - 10 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán thuê tài chính (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải	8 - 10

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Đối với chi phí trả trước là Giá trị quyền sử dụng văn phòng tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm. Công ty phân bổ theo thời gian 48 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ Công ty mẹ - Công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thuê lại tài sản thuê tài chính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu xây lắp.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế và 25% đối với thuế suất đầu tư vốn ra ngoài Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.

IN
CÉ
T
IÉ
A
H

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	28.359.392.700	38.458.858.700
Tiền gửi ngân hàng	356.269.546.295	503.767.129.148
Các khoản tương đương tiền	88.357.771.033	159.505.903.702
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	88.357.771.033	159.505.903.702
Tổng	472.986.710.028	701.731.891.550

(i) Trong đó các khoản tiền gửi trị giá 13.000.000.000 VND được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các ngân hàng (Chi tiết tại Thuyết minh 5.19).

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	28.079.802.760	28.079.802.760	24.655.423.033	24.655.423.033
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	28.079.802.760	28.079.802.760	24.655.423.033	24.655.423.033
Dài hạn	3.450.938.000	3.450.938.000	4.224.975.000	4.224.975.000
Đầu tư mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động	2.804.138.000	2.804.138.000	2.730.175.000	2.730.175.000
Trái phiếu kỳ hạn từ 8 - 10 năm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	200.000.000	200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	646.800.000	646.800.000	1.294.800.000	1.294.800.000
Tổng	31.530.740.760	31.530.740.760	28.880.398.033	28.880.398.033

(i) Trong đó các khoản tiền gửi trị giá 18.150.000.000 VND được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các ngân hàng (Chi tiết tại Thuyết minh 5.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Các khoản đầu tư dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			363.968.403.201	368.242.618.772	329.176.403.201	329.176.403.201
Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	36,00%	36,00%	216.000.000.000	220.765.215.571	216.000.000.000	216.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	24,20%	24,20%	102.400.000.000	102.400.000.000	102.400.000.000	102.400.000.000
Công ty cổ phần FECON Miltec	49,20%	49,20%	10.285.403.201	10.285.403.201	10.285.403.201	10.285.403.201
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	49,10%	49,10%	491.000.000	-	491.000.000	491.000.000
Công ty Cổ phần GF Land Bắc Ninh (i)	36,00%	36,00%	34.792.000.000	34.792.000.000	-	-
Tổng			363.968.403.201	368.242.618.772	329.176.403.201	329.176.403.201

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác			80.810.027.447		-	80.810.027.447		-
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON			27.447	(i)	-	27.447	(i)	-
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1,94%	1,94%	7.000.000.000	(i)	-	7.000.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11,85%	11,85%	16.000.000.000	(i)	-	16.000.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Nhà Cam Ranh	10,00%	10,00%	20.000.000.000	(i)	-	20.000.000.000	(i)	-
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000	(i)	-	37.810.000.000	(i)	-
Tổng			80.810.027.447		-	80.810.027.447		-

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên kết, đầu tư khác trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	2.080.976.643.373	1.889.554.794.645
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA	188.685.369.183	55.984.618.439
Công ty TNHH Cảng container quốc tế Hateco Hải Phòng	220.300.643.149	127.230.036.240
Công ty China Harbour Engineering Co., Ltd - Thủ phụ TCXD công trình biển dự án Nhà máy nhiệt điện	46.110.225.023	73.894.316.083
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	118.508.326.678	184.707.889.490
Công ty mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	34.793.908.371	36.363.796.650
Các đối tượng khác	1.472.578.170.969	1.411.374.137.743
Tổng	2.080.976.643.373	1.889.554.794.645
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>63.834.757.041</i>	<i>27.144.205.389</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	835.605.820.583	692.867.910.134
Công ty TNHH Thông Thuận	38.492.989.400	38.492.989.400
Công ty TNHH POWERCHINA Việt Nam	23.638.325.874	23.638.325.874
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Phủ Yên	25.000.000.000	25.000.000.000
30.403.825.016	81.390.000.000	
Công ty TNHH Cơ điện và Xây dựng Green Lotus	181.324.544.895	186.624.544.895
Các đối tượng khác	536.746.135.398	337.722.049.965
Tổng	835.605.820.583	692.867.910.134
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>71.371.000</i>	<i>71.371.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	9.084.060.000	-	8.284.060.000	-
Công ty Cổ phần Tổng hợp xây dựng công trình 69	550.000.000	-	550.000.000	-
Công ty Cổ phần FECON Miltec	4.449.060.000	-	3.649.060.000	-
Các đối tượng khác	4.085.000.000	-	4.085.000.000	-
Dài hạn	99.534.466.986	-	99.534.466.986	-
Ông Lê Anh Tùng (i)	76.234.466.986	-	76.234.466.986	-
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (ii)	23.300.000.000	-	23.300.000.000	-
Tổng	108.618.526.986	-	107.818.526.986	-

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

27.749.060.000

-

27.749.060.000

-

(i) Hợp đồng vay tiền số 1205/2022/HĐV/FCP-LAT ngày 12/5/2022 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và bên vay ông Lê Anh Tùng; Số tiền vay 76.234.466.986 đồng; Mục đích vay: Toàn bộ số tiền giải ngân cho vay chỉ được sử dụng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên vay đối với Ecotech Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng giữa Ecotech Việt Nam và ông Lê Anh Tùng. Thời điểm trả nợ không muộn hơn ngày 28/10/2025.

(ii) Theo thỏa thuận hợp đồng vay có thể chuyển đổi ngày 15/5/2020 và Phụ lục số 01/FCP-/Ofico/2022 ngày 12/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon và Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune. Theo đó Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune vay số tiền 23.300.000.000 đồng; Thời hạn vay: đến ngày 14 tháng 5 năm 2025 hoặc tùy theo quyết định của bên cho vay. Nếu khoản vay được hoàn trả muộn hơn 14/5/2025 thì cứ 10.000 đồng sẽ quy đổi bằng 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon nắm giữ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune.

Số 10/01- KIE PA 3/2

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.154.130.266.630	-	1.044.034.676.390	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	51.770.830	-	263.230.149	-
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	10.794.602.735	-	8.458.219.174	-
Ông Hà Thế Phương (i)	50.900.000.000	-	50.900.000.000	-
Ông Muôn Văn Chiến (i)	142.945.000.000	-	177.900.000.000	-
Ông Phùng Tiến Trung (i)	226.533.000.000	-	190.200.000.000	-
Ông Lê Anh Tùng	21.872.821.325	-	12.796.199.201	-
Lãi dự thu	1.303.322.888	-	369.826.027	-
Tạm ứng	664.114.775.760	-	571.497.039.462	-
Ký quỹ, ký cược	9.861.629.559	-	11.546.646.250	-
Phải thu khác	25.753.343.533	-	20.103.516.127	-
Dài hạn	21.658.994.885	-	20.620.861.376	-
Phải thu dài hạn khác	5.393.796.446	-	8.387.095.239	-
Ký cược, ký quỹ	16.265.198.439	-	12.233.766.137	-
Tổng	1.175.789.261.515	-	1.064.655.537.766	-

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan	380.284.046.140	-	377.729.229.598	-
-----------------------------------	------------------------	----------	------------------------	----------

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

(i) Là khoản liên quan đến các Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Năng lượng FECON với các cá nhân; Lợi ích từ việc hợp tác đầu tư: Tùy thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động của Công ty mục tiêu và cổ tức được nhận từ Công ty mục tiêu (nếu có), các Bên sẽ thỏa thuận việc phân chia lợi ích từ việc hợp tác đầu tư và lập thành văn bản, Phụ lục hợp đồng.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	1.682.936.437.287	-	1.680.601.634.602	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.048.265.336	-	20.439.772.066	-
Công cụ, dụng cụ	4.962.479.136	-	17.975.652.311	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.624.033.816.914	-	1.583.918.319.458	-
Thành phẩm	6.570.141.035	-	16.161.932.496	-
Hàng hóa	33.321.734.866	-	42.105.958.271	-
Dài hạn	994.808.848.694	-	24.148.330.045	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	994.808.848.694	-	24.148.330.045	-
Tổng	2.677.745.285.981	-	1.704.749.964.647	-

(i) Dự án Khu đô thị Nam Thái được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 và chấp thuận nhà đầu tư theo Quyết định số 3372/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên, Quy mô sử dụng đất: 246.777 m², dự án bắt đầu kinh doanh trong năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	60.107.671.766	45.923.029.209
Công cụ dụng cụ	904.049.749	875.650.154
Chi phí bảo hiểm	766.443.850	776.534.999
Chi phí thuê kho, văn phòng	364.981.152	282.992.868
Chi phí mua phần mềm	1.570.915.977	1.312.537.514
Chi phí khác	56.501.281.038	42.675.313.674
Dài hạn	107.592.283.816	90.304.495.462
Công cụ dụng cụ	23.309.203.482	11.856.561.373
Chi phí sửa chữa	1.996.714.800	2.271.313.754
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	48.116.567.458	49.794.782.553
Chi phí phần mềm	1.794.155.709	8.500.000
Phí bảo hiểm	2.605.671.159	862.452.203
Chi phí marketing, truyền thông	2.366.707.493	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	27.403.263.715	25.510.885.579
Tổng	167.699.955.582	136.227.524.671

31/12/2024
 T/H
 Á
 N

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2024	138.055.785.168	1.669.030.622.834	194.471.575.868	10.181.534.204	167.047.026.813	2.178.786.544.887
Tăng trong năm	362.578.080	200.735.709.733	4.654.296.481	116.503.741	2.143.093.330	208.012.181.365
Mua trong năm	-	53.342.396.084	2.435.933.306	116.503.741	2.143.093.330	58.037.926.461
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	97.305.372.168	1.722.732.000	-	-	99.028.104.168
Đầu tư XDCB hoàn thành	362.578.080	-	-	-	-	362.578.080
Tăng do hợp nhất	-	50.087.941.481	495.631.175	-	-	50.583.572.656
Giảm trong năm	24.823.080	281.892.628.181	6.111.010.454	-	4.350.457.971	292.378.919.686
Thanh lý, nhượng bán	-	166.795.482.034	3.632.241.325	-	4.350.457.971	174.778.181.330
Chuyển sang tài sản thuê tài chính	-	111.838.005.769	1.725.932.000	-	-	113.563.937.769
Giảm do hợp nhất	24.823.080	3.259.140.378	752.837.129	-	-	4.036.800.587
Số dư tại 31/12/2024	138.393.540.168	1.587.873.704.386	193.014.861.895	10.298.037.945	164.839.662.172	2.094.419.806.566
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2024	39.702.673.512	489.367.743.915	51.172.576.054	3.595.649.063	51.157.165.460	634.995.808.004
Tăng trong năm	6.501.613.185	184.344.823.413	11.441.486.133	245.618.196	14.589.304.656	217.122.845.583
Khấu hao trong năm	6.501.613.185	98.141.513.314	10.245.265.626	245.618.196	14.589.304.656	129.723.314.977
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	32.501.223.286	567.884.918	-	-	33.069.108.204
Tăng do hợp nhất	-	53.702.086.813	628.335.589	-	-	54.330.422.402
Giảm trong năm	-	127.106.166.118	3.259.911.440	-	764.406.442	131.130.484.000
Thanh lý, nhượng bán	-	66.138.964.329	1.849.135.311	-	764.406.442	68.752.506.082
Chuyển sang tài sản thuê tài chính	-	55.734.029.773	573.150.081	-	-	56.307.179.854
Giảm do hợp nhất	-	5.233.172.016	837.626.048	-	-	6.070.798.064
Số dư tại 31/12/2024	46.204.286.697	546.606.401.210	59.354.150.747	3.841.267.259	64.982.063.674	720.988.169.587
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2024	98.353.111.656	1.179.662.878.919	143.298.999.814	6.585.885.141	115.889.861.353	1.543.790.736.883
Tại 31/12/2024	92.189.253.471	1.041.267.303.176	133.660.711.148	6.456.770.686	99.857.598.498	1.373.431.636.979

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 1.189.690.027.750 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 1.281.625.898.075 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 109.785.746.797 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 108.282.554.138 đồng).

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	188.305.847.120	7.792.680.259	196.098.527.379
Tăng trong năm	129.910.757.877	1.702.895.457	131.613.653.334
Mua trong năm	17.938.968.427	-	17.938.968.427
Thuê tài chính trong năm	111.971.789.450	1.702.895.457	113.674.684.907
Giảm trong năm	97.289.284.576	1.722.732.000	99.012.016.576
Mua lại tài sản thuê tài chính	97.289.284.576	1.722.732.000	99.012.016.576
Số dư tại 31/12/2024	<u>220.927.320.421</u>	<u>7.772.843.716</u>	<u>228.700.164.137</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	47.282.904.796	1.589.433.498	48.872.338.294
Tăng trong năm	25.484.626.711	854.860.535	26.339.487.246
Khấu hao trong năm	25.484.626.711	854.860.535	26.339.487.246
Giảm trong năm	32.501.223.286	567.884.918	33.069.108.204
Mua lại tài sản thuê tài chính	32.501.223.286	567.884.918	33.069.108.204
Số dư tại 31/12/2024	<u>40.266.308.221</u>	<u>1.876.409.115</u>	<u>42.142.717.336</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	<u>141.022.942.324</u>	<u>6.203.246.761</u>	<u>147.226.189.085</u>
Tại 31/12/2024	<u>180.661.012.200</u>	<u>5.896.434.601</u>	<u>186.557.446.801</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền khai thác mỏ	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	27.015.257.544	241.800.000	29.848.263.741	925.117.257	58.030.438.542
Tăng trong năm	-	-	591.590.909	1.474.275.298	2.065.866.207
Mua trong năm	-	-	591.590.909	1.474.275.298	2.065.866.207
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	<u>27.015.257.544</u>	<u>241.800.000</u>	<u>30.439.854.650</u>	<u>2.399.392.555</u>	<u>60.096.304.749</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	9.592.977.481	143.589.452	22.400.762.204	633.950.317	32.771.279.454
Tăng trong năm	1.655.573.556	30.225.000	3.636.242.676	149.728.886	5.471.770.118
Khấu hao trong năm	1.655.573.556	30.225.000	3.636.242.676	149.728.886	5.471.770.118
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	<u>11.248.551.037</u>	<u>173.814.452</u>	<u>26.037.004.880</u>	<u>783.679.203</u>	<u>38.243.049.572</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	17.422.280.063	98.210.548	7.447.501.537	291.166.940	25.259.159.088
Tại 31/12/2024	<u>15.766.706.507</u>	<u>67.985.548</u>	<u>4.402.849.770</u>	<u>1.615.713.352</u>	<u>21.853.255.177</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 15.766.706.507 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 17.422.280.063 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.727.062.709 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 1.727.062.709 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí dự án trồng lê tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	17.865.179.638	17.865.179.638	17.642.310.032	17.642.310.032
Mua sắm tài sản cố định	12.461.799.768	12.461.799.768	10.880.654.175	10.880.654.175
Xây dựng cơ bản dở dang khác	6.978.280.503	6.978.280.503	2.181.068.045	2.181.068.045
Tổng	37.305.259.909	37.305.259.909	30.704.032.252	30.704.032.252

5.13 Lợi thế thương mại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	47.358.397.993	54.857.982.746
Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	-
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	6.719.591.042	-
Lợi thế thương mại giảm trong năm	2.554.652.027	7.499.584.753
Lợi thế thương mại cuối năm	38.084.154.924	47.358.397.993

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	809.023.343.592	809.023.343.592	873.889.742.949	873.889.742.949
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	6.286.090.237	6.286.090.237	6.576.090.237	6.576.090.237
GEOHARBOUR Limited	37.377.697.470	37.377.697.470	37.130.479.705	37.130.479.705
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dung Trần	1.313.524.188	1.313.524.188	1.313.524.188	1.313.524.188
Các đối tượng khác	764.046.031.697	764.046.031.697	828.869.648.819	828.869.648.819
Dài hạn	14.053.977.693	14.053.977.693	18.651.420.827	18.651.420.827
RAITO KOGYO CO., LTD	12.218.099.878	12.218.099.878	13.724.776.287	13.724.776.287
TOKYO CENTURY CORPORATION	1.835.877.815	1.835.877.815	4.682.938.445	4.682.938.445
Các đối tượng khác	-	-	243.706.095	243.706.095
Tổng	823.077.321.285	823.077.321.285	892.541.163.776	892.541.163.776

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	722.292.929.488	986.763.840.993
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Phú Hải	6.526.448.113	7.047.763.950
Công ty China Harbour Engineering Co.,Ltd - Thầu phụ thi công xây dựng công trình biển da nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II	-	5.249.855.522
Cục an ninh điều tra - Bộ Công an	-	260.813.264.662
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	429.416.076.576	421.925.838.477
Công an tỉnh Quảng Ninh	62.457.693.665	124.000.000.000
Các đối tượng khác	223.892.711.134	167.727.118.382
Tổng	722.292.929.488	986.763.840.993

5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	58.362.689.189	943.772.166.035	641.117.692.594	361.017.162.630
Thuế giá trị gia tăng	18.934.049.198	39.946.431.644	41.447.452.060	17.433.028.782
Thuế XNK	-	232.645.856	232.645.856	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.525.924.470	30.268.142.244	27.365.792.458	28.428.274.256
Thuế thu nhập cá nhân	4.372.132.927	23.509.537.694	22.572.704.182	5.308.966.439
Thuế tài nguyên	2.829.504.515	3.978.000.000	6.807.504.515	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	836.292.852.207	532.293.352.974	303.999.499.233
Thuế nhà thầu và các loại thuế kt	1.281.521.026	3.116.436.518	3.709.296.168	688.661.376
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.419.557.053	6.428.119.872	6.688.944.381	5.158.732.544
Phải thu	1.158.875.743	34.877.184.926	47.506.716.763	13.788.407.580
Thuế giá trị gia tăng	-	-	11.734.032.816	11.734.032.816
Thuế XNK	68.771.597	33.813.877.682	34.167.788.603	422.682.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.616.754	18.488.583	-	90.128.171
Thuế tài nguyên	-	-	623.125.585	623.125.585
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	69.349.763	432.144.994	362.795.231	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	912.137.629	612.673.667	618.974.528	918.438.490

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	359.497.220.236	169.715.341.118
Lãi vay phải trả	16.853.005.013	20.495.988.749
Trích trước chi phí các công trình	339.820.015.874	145.786.579.452
Chi phí phải trả khác	2.824.199.349	3.432.772.917
Tổng	359.497.220.236	169.715.341.118

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	128.039.418.675	119.270.212.589
Kinh phí công đoàn	4.504.034.181	4.168.721.376
Bảo hiểm xã hội	925.812.554	1.947.622.526
Bảo hiểm y tế	206.233.980	385.886.228
Bảo hiểm thất nghiệp	106.859.305	186.265.493
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.326.335	41.326.335
Các khoản phải trả, phải nộp khác	122.239.152.320	112.540.390.631
<i>Cổ tức phải trả (i)</i>	<i>67.530.524.500</i>	<i>81.470.902.954</i>
<i>Công ty TNHH Geoharbour Holding (ii)</i>	<i>9.955.679.021</i>	<i>9.955.679.021</i>
<i>Lãi vay phải trả</i>	<i>13.562.666.164</i>	<i>59.128.767</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>31.190.282.635</i>	<i>21.054.679.889</i>
Tổng	128.039.418.675	119.270.212.589
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>13.562.666.164</i>	<i>59.128.767</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

(i): Trong đó bao gồm cổ tức năm 2022 Công ty mẹ chưa chi trả cho các cổ đông số tiền 62.980.157.100. Theo Nghị quyết số 57/2024/NQ-HĐQT.FECON ngày 30/12/2024 của Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án thanh toán phần cổ tức còn lại năm 2022 dự kiến trong năm 2025.

(ii): Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty Cổ phần Xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.166.325.772.797	2.166.325.772.797	2.909.480.009.789	2.672.575.072.450	1.929.420.835.458	1.929.420.835.458
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	542.682.573.925	542.682.573.925	557.652.343.343	713.137.798.218	698.168.028.800	698.168.028.800
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (2)	201.733.582.604	201.733.582.604	377.913.381.142	455.547.469.825	279.367.671.287	279.367.671.287
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội (3)	19.712.618.565	19.712.618.565	54.577.077.050	54.865.752.629	20.001.294.144	20.001.294.144
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (4)	50.536.953.975	50.536.953.975	106.258.366.932	60.779.577.881	5.058.164.924	5.058.164.924
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (5)	131.962.276.944	131.962.276.944	264.673.603.488	382.399.665.764	249.688.339.220	249.688.339.220
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (6)	124.095.530.257	124.095.530.257	393.786.903.530	286.799.532.641	17.108.159.368	17.108.159.368
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Khối ngân hàng bán buôn (7)	1.778.620.111	1.778.620.111	38.437.020.716	44.224.899.577	7.566.498.972	7.566.498.972
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (8)	100.883.081.569	100.883.081.569	230.134.271.460	202.764.376.300	73.513.186.409	73.513.186.409
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long (9)	224.897.571.215	224.897.571.215	229.069.932.080	79.064.496.592	74.892.135.727	74.892.135.727
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - CN Hà Nội (10)	124.172.656.230	124.172.656.230	143.047.055.966	91.188.599.764	72.314.200.028	72.314.200.028
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (11)	11.000.000.000	11.000.000.000	22.000.000.000	11.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (12)	163.445.564.846	163.445.564.846	258.450.876.831	95.005.311.985	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (13)	7.712.140.436	7.712.140.436	26.315.715.543	18.603.575.107	-	-
RAITO KOGYO CO., LTD (14)	82.026.450.000	82.026.450.000	88.677.750.000	98.076.300.000	91.425.000.000	91.425.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	1.395.354.188.743	1.395.354.188.743	736.039.328.897	160.153.587.727	819.468.447.573	819.468.447.573
Ngân hàng TMCP Quân đội (19)	664.630.283.481	664.630.283.481	-	40.280.623.233	704.910.906.714	704.910.906.714
Vay Công ty Shanghai Harbour Brunei (23)	44.009.705.032	44.009.705.032	-	-	44.009.705.032	44.009.705.032
Trần Ngọc Dương (24)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (20)	13.405.406.399	13.405.406.399	736.400.000	69.099.083	12.738.105.482	12.738.105.482
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô (25)	622.034.740.051	622.034.740.051	618.674.747.079	756.000.000	4.115.992.972	4.115.992.972
Trái phiếu thường:						
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí (Trái phiếu FCNH2325001) (21)	-	-	-	41.693.737.373	41.693.737.373	41.693.737.373
- Mệnh giá trái phiếu	-	-	-	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	(306.262.627)	(306.262.627)	(306.262.627)
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí (Trái phiếu FCNH 2426001) (22)	39.274.053.780	39.274.053.780	116.628.181.818	77.354.128.038	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	40.000.000.000	40.000.000.000	120.000.000.000	80.000.000.000	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(725.946.220)	(725.946.220)	(3.371.818.182)	(2.645.871.962)	-	-
Tổng	3.776.270.808.562	3.776.270.808.562	3.801.427.569.165	2.911.340.575.976	2.886.183.815.373	2.886.183.815.373
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay với các bên liên quan:</i>	<i>195.090.000.000</i>	<i>195.090.000.000</i>	<i>-</i>	<i>2.650.000.000</i>	<i>197.740.000.000</i>	<i>197.740.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>						

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuê tài chính	115.312.914.580	115.312.914.580	111.706.125.843	55.846.316.760	59.453.105.497	59.453.105.497
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.906.591.354	3.906.591.354	3.937.873.092	2.925.354.963	2.894.073.225	2.894.073.225
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	44.792.674.396	44.792.674.396	34.676.150.934	22.017.687.783	32.134.211.245	32.134.211.245
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	24.299.472.156	24.299.472.156	28.118.905.828	7.684.313.101	3.864.879.429	3.864.879.429
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	12.677.709.198	12.677.709.198	16.906.180.125	9.802.174.974	5.573.704.047	5.573.704.047
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	512.418.080	512.418.080	285.847.223	1.310.683.403	1.537.254.260	1.537.254.260
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - CN Hà Nội	29.124.049.396	29.124.049.396	27.781.168.641	12.106.102.536	13.448.983.291	13.448.983.291
Tổng	115.312.914.580	115.312.914.580	111.706.125.843	55.846.316.760	59.453.105.497	59.453.105.497

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.343.212.388	417.857.425	2.925.354.963	4.955.028.569	483.457.168	4.471.571.401
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.376.540.956	4.358.853.173	22.017.687.783	32.328.907.617	5.129.972.722	27.198.934.895
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease - CN Hà Nội	10.219.710.358	417.535.384	9.802.174.974	4.557.402.772	631.115.834	3.926.286.938
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	8.971.313.386	1.287.000.285	7.684.313.101	7.452.532.845	705.029.609	6.747.503.236
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - CN Hà Nội	13.483.470.874	1.377.368.338	12.106.102.536	23.843.363.672	1.329.158.962	22.514.204.710
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.439.278.301	128.594.898	1.310.683.403	-	-	-
Tổng	63.833.526.263	7.987.209.503	55.846.316.760	73.137.235.475	8.278.734.295	64.858.501.180

(1) Gồm các Hợp đồng sau:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/132625/HĐTDHM ngày 20/11/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 1.200 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn, LC, bảo lãnh thanh toán là 500 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 700 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 15/11/2025. Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/12745542/HĐTD ngày 22/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 70 tỷ VND, hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 30 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 40 tỷ VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức nhưng không quá ngày 31/8/2025. Lãi suất cho vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp bảo đảm: Theo các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết giữa khách hàng và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3993901/HĐTD ngày 05/08/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 200 tỷ đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, Bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày mở hợp đồng nhưng không quá 05/8/2023. Biện pháp bảo đảm: các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thể chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày, và sau ngày của hợp đồng này. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/6233431/HĐTD ngày 08/8/2024 giữa bên cấp tín dụng Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam và bên được cấp tín dụng Công ty Cổ phần đầu tư FECON. Hạn mức cấp tín dụng 90 tỷ đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian cấp hạn mức: tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay, bảo lãnh, L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo: Các hợp đồng cầm cố/ thể chấp/ bảo lãnh/ký quỹ được thực hiện trước và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản phạm vi đảm bảo của các hợp đồng đảm bảo bao gồm hợp đồng này.

(2) Gồm các khoản vay sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 206448.24.002.966899.TD ngày 08/05/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 800 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 300 tỷ đồng, hạn mức thấu chi là 4 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 500 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) là 20 tỷ đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, LC phục vụ hoạt động xây dựng của khách hàng. Thời hạn: kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 17/04/2025. Lãi suất cho vay được quy định chi tiết theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại Hợp đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số 136062.23.081.5575330.TD ngày 19/05/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 200 tỷ VND. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xây lắp. Thời hạn cấp tín dụng: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 12/05/2024. Phụ lục gia hạn số 136062.23.081.5575330.TD.PL10 ngày 13/05/2024 gia hạn thời gian cấp tín dụng đến ngày 12/07/2024; Hạn mức cho vay là 100 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 40 tỷ VND. Lãi suất: Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được quy định cụ thể tại hợp đồng đảm bảo ký giữa ngân hàng và công ty hoặc bên thứ ba.

- Hợp đồng hạn mức số 224979.24.226.2831023.TD ngày 27/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Phú Nhuận và Công ty Cổ phần FECON SOUTH. Hạn mức vay 220 tỷ đồng, trong đó: Hạn mức cho vay là 120 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 40 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh chờ quyết toán là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp của khách hàng. Thời hạn vay: Kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến 30/5/2025. Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), chi tiết việc đảm bảo được quy định tại hợp đồng đảm bảo ký giữa MB và bên đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 14867/24MB/HĐTD ngày 28/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 100 tỷ đồng bao gồm toàn bộ số dư theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 10160/23MB/HĐTD ngày 28/6/2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có). Trong đó hạn mức cho vay không vượt quá 100 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh không vượt quá 50 tỷ đồng, hạn mức phát hành thư tín dụng (LC) không vượt quá 100 tỷ đồng; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày ký HĐTDHM; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là bổ sung vốn lưu động/ phát hành bảo lãnh, phát hành LC nội địa phục vụ hoạt động thi công xây dựng; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng Kế ước nhận nợ/Hợp đồng cấp tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ là Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và/hoặc đã hình thành từ hợp đồng thi công và các phụ lục sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bên được cấp tín dụng và bên thanh toán và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Cổ phần FECON và/hoặc Bên thứ ba.

(4) Hợp đồng hạn mức số 191/2024-HĐCVHM/NHCT903-FECON SOUTH JSC ngày 02/8/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm và Công ty Cổ phần FECON SOUTH. Hạn mức vay: 120 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp của bên Vay. Thời hạn vay: Được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng và được duy trì hạn mức đến ngày bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn duy trì hạn mức từ 02/8/2024 đến hết ngày 31/7/2025. Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay.

(5) Gồm các khoản vay sau:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo HĐ cấp tín dụng hạn mức số 130/2024/HĐTD/TTKD BTL ngày 12/11/2024. Hạn mức tín dụng 140.000.000.000 (Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn); Thời hạn: 12 tháng. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo từng lần giải ngân và quy định trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ và các biện pháp bảo đảm khác;

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 143/2024/HĐTD/TTKD BTL ngày 31/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bắc Từ Liêm và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO. Hạn mức tín dụng là 140 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay 140 tỷ đồng, hạn mức L/C 140 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh 140 tỷ đồng. Lãi suất cho vay xác định theo từng kế ước giải ngân và nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công nền móng và công trình ngầm của khách hàng. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn của các khoản vay không vượt quá 08 tháng. Tài sản đảm bảo các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty và Ngân hàng;

- Hợp đồng tín dụng số 17/2024/HĐTD/HCM ngày 22/01/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần FECON SOUTH. Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng, bù đắp chi phí vốn lưu động, thanh toán lương cho nhân viên, chi phí vận hành của khách. Thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng và các phụ lục hợp đồng gia hạn (nếu có). Lãi suất vay: Lãi suất linh hoạt: được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Biện pháp đảm bảo: Ký quỹ; theo quy định về ký quỹ tại hợp đồng này và các thỏa thuận khác giữa TPBank và khách hàng(nếu có). Các biện pháp đảm bảo khác: (i) Hợp đồng khung về thế chấp quyền đòi nợ 36/2023/HĐBD/HCM ngày 11/04/2023 giữa TPBank và khách hàng; (ii) Các hợp đồng đảm bảo ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực của hợp đồng này; (iii) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của các hợp đồng đảm bảo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(6) Gồm các khoản vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 358352224 ngày 04/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sở giao dịch và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 300 tỷ đồng bao gồm cho vay ngắn hạn và cam kết bảo lãnh; Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng theo Đăng ký kinh doanh của Bên được cấp tín dụng; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất: Thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất; Tài sản đảm bảo: Quyền phải thu từ các hợp đồng kinh tế phục vụ hoạt động thi công công trình/ dự án cụ thể do VIB tài trợ, mức cấp tín dụng tối đa 300 tỷ đồng (TSBĐ 1), Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo đối với Hạn mức bảo lãnh dự thầu tối đa 30 tỷ đồng (TSBĐ 2), Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo đối với Hạn mức bảo lãnh bảo hành tối đa 10 tỷ đồng (TSBĐ 3);

- Hợp đồng tín dụng số 809898024 ngày 02/02/2024 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 100 tỷ VND. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, xây lắp các công trình. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Quyền phải thu từ các hợp đồng kinh doanh cụ thể do VIB tài trợ; Cấp tín dụng không TSBĐ đối với Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh bảo hành; Bảo lãnh của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần FECON bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ phát sinh tại ngân hàng;

- Hợp đồng tín dụng số 1875760.24 ngày 28/03/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần FECON SOUTH. Hạn mức vay: 170 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh kỹ thuật nền móng, công trình ngầm, công trình giao thông... theo đăng ký kinh doanh của bên được cấp tín dụng. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Là khoản phải thu đã hình thành, hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng đầu ra do VIB tài trợ, Bảo lãnh thanh toán của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần FECON đối với toàn bộ nghĩa vụ của Công ty phát sinh tại VIB. Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo đối với cam kết bảo lãnh dự thầu và cam kết bảo lãnh bảo hành, tối đa 40 tỷ đồng.

(7) Hợp đồng cấp tín dụng số HSO20241754024/HDTD ngày 12/4/2024 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - TECHCOMBANK và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng 100 tỷ VND. Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu 12 tháng (từ ngày 12/04/2024 đến hết ngày 12/04/2025). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm. Lãi suất áp dụng theo từng Văn kiện tín dụng.

(8) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020, Bản sửa đổi thứ nhất Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 và Bản sửa đổi thứ hai Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/21215 ngày 25/11/2021 giữa Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức vay tài trợ thương mại 200 tỷ đồng; Mục đích: Tài trợ nhập khẩu, mua vật liệu, hàng hóa và các dịch vụ trong nước; Kỳ hạn tối đa 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hạn mức bảo lãnh 200 tỷ đồng; Mục đích: Dành cho việc phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh ứng trước, bảo lãnh bảo hành; Kỳ hạn tối đa 03 năm cho tất cả các bảo lãnh ngoại trừ bảo lãnh thanh toán là 01 năm; Bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh ứng trước được giới hạn ở mức 10% - 15% giá trị hợp đồng hoặc tùy vào quyết định của ngân hàng; Biện pháp bảo đảm: Thẻ chấp các hợp đồng của bên vay được ngân hàng tài trợ sẽ phải đăng ký giao dịch bảo đảm (không áp dụng cho bảo lãnh dự thầu), đối với mỗi hợp đồng được ngân hàng tài trợ phải chỉ rõ qua tài khoản của bên vay được mở tại ngân hàng, các hợp đồng tài trợ phải được ngân hàng xác nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(9) Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT326-FECON ngày 04/07/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cho vay 400 tỷ đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04/07/2024 đến hết ngày 01/05/2025; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD của bên vay; Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà bên vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác.

(10) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HNI-24-5724-258 ngày 30/05/2024 giữa Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh thành phố Hà Nội và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO. Hạn mức tín dụng là 5.000.000 USD hoặc giá trị tương đương. Lãi suất cho vay xác định theo từng kế ước giải ngân và nhận nợ. Mục đích vay: hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: đến hết ngày 30/05/2025. Biện pháp đảm bảo: được bảo lãnh từ bên bảo lãnh theo mẫu được quy định tại Phụ lục 2 (Tài liệu đảm bảo)..

(11) Hợp đồng vay vốn số 2024-00211-000 ngày 19/09/2024 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) và Công ty Cổ phần FECON với số tiền 11 tỷ đồng; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho việc trực tiếp quản lý, vận hành và sử dụng Thiết bị thuê tài chính; Thời hạn: 6 tháng kể từ ngày giải ngân theo Hợp đồng này; Kỳ hạn và phương thức trả lãi: kỳ hạn trả lãi là 1 tháng, phương thức trả lãi là trả sau; Điều chỉnh lãi suất mỗi 03 kỳ tính lãi; Tài sản đảm bảo: không có tài sản thế chấp.

(12) Hợp đồng cấp tín dụng số 11/24/CTD/FECON kèm theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 11.1/24/CV/FECON ngày 20/02/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần FECON với số tiền tối đa là 290 tỷ đồng, trong đó: giới hạn cho vay ngắn hạn là 200 tỷ đồng, giới hạn bảo lãnh là 90 tỷ đồng; Thời hạn: đến hết ngày 19/02/2025; Mục đích: tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động thi công xây lắp Gói thầu "PK6 - Thi công đường bãi, kết cấu hạ tầng" thuộc Dự án "Đầu tư xây dựng bến số 5, số 6 Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Cảng biển Hải Phòng"; Lãi suất: được xác định tại thời điểm giải ngân theo từng Giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng cho thuê văn phòng, Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thi công Gói thầu "PK6 - Thi công đường bãi, kết cấu hạ tầng", Thế chấp các tài sản khác là bất động sản, tiền gửi thuộc sở hữu của Khách hàng....

(13) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số BCLC-2861-01 ngày 05/7/2024 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh vượng - VPBank và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng 80 tỷ VND. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và phát hành L/C để phục vụ hoạt động thi công xây lắp các công trình, dịch vụ liên quan đến thi công xây lắp công trình. Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai của khách hàng và Công ty Cổ phần FECON (Công ty Mẹ).

(14) Hợp đồng vay ngày 14/07/2023 giữa Raito Kogyo Co., LTD và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO. Số tiền vay: . Lãi suất cho vay xác định theo từng hợp đồng cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động và mua sắm các thiết bị cần thiết cho các hợp đồng xây dựng. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(15) Theo thỏa thuận vay ngày 22/6/2022 giữa bên cho vay FeMa HoldCo Pte. Limited và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon; Số tiền vay: 1.250.000 USD để chuẩn bị cho dự án điện gió ngoài khơi 500MW tại Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(16) Gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng vay tiền 812/2022/HĐ/HY-FCP ngày 08/12/2022 giữa Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên và Công ty Cổ phần Năng lượng FECON; Số tiền vay tối đa 18 tỷ đồng; Thời hạn hoàn thành giải ngân: Không muộn hơn ngày 10/12/2022; Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: Tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Hợp đồng vay tiền số 23/2023/HĐ/HY-FCP ngày 23/02/2023 giữa Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên và Công ty Cổ phần Năng lượng FECON; Số tiền vay tối đa 198 tỷ đồng cho kỳ hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và tự động gia hạn nếu các bên không có thỏa thuận khác; lãi suất cho vay 5%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(17) Hợp đồng vay số 0381/2023/HĐTĐ-OCB-DN ngày 10/5/2024 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Bến Thành và Công ty Cổ phần FECON SOUTH. Hạn mức vay 35 tỷ đồng. Mục đích vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công dự án: KDC Lương Hòa, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15/11/2024. Lãi suất vay: Theo thỏa thuận tại kế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai theo hợp đồng thi công dự án giữa Công ty Cổ phần FeconSouth ký kết với Công ty Cổ phần Prodezi Long An.

(18) Gồm các hợp đồng:

- Các hợp đồng vay vốn từng lần giữa Ông Nguyễn Tuấn Anh và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn: 06 tháng và có quay vòng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

- Các hợp đồng vay tiền giữa các cá nhân và Công ty Cổ phần Đầu tư Fecon với thời hạn vay trong 12 tháng kể từ ngày bên Vay nhận được 100% giá trị các khoản vay. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(19) Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 giữa bên vay Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng và bên cho vay Ngân hàng TMCP Quân Đội; Phương thức cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900 tỷ đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng – Giai đoạn I tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền – Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(20) Gồm các khoản vay:

- Hợp đồng cho vay kiểm thế chấp xe ô tô số 240/2024/HDTD/TXN ngày 04/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON; Số tiền vay: 736.400.000 VND; Mục đích vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Xe ô tô Vinfat VF9 biển kiểm soát 30L-834.30 của Công ty;

- Hợp đồng cho vay số 280/2019/GNN/PHG/01 ngày 17/6/2019. Số tiền vay là 3,9 tỷ đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy bơm 2-SHAFT-AUGER theo hợp đồng số 12/2019/HD-KH.FCU ký ngày 08/4/2019 giữa Công ty Cổ phần Công trình ngầm Fecon và Sung Won Heavy Machinery Co.,Ltd. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu. Lãi suất linh hoạt: áp dụng 11%/năm trong 3 tháng đầu và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,6%/năm trong thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này;

- Hợp đồng cho vay số 64/2021/HĐTD/PHG/01 Ngày 12/3/2021 giữa bên cho vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong và bên được cấp tín dụng: Công ty Cổ phần Công trình Ngầm FECON Số tiền vay: 130 tỷ đồng; Mục đích vay: cho vay trung hạn đầu tư thiết bị và các hạng mục, hệ thống phụ trợ phục vụ hợp đồng giao thầu số 149A9/2020/HĐ-BCU.FECON hạng mục hỗ trợ vận hành máy khoan TBM, gói thầu CP03 - đường hầm và ga ngầm- Dự án tuyến đường sắt đô thị Nhôn - Hà Nội ký ngày 03/9/2020 Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON và Công ty Cổ phần FECON. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn vay: 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ.

(21) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 0311/HĐĐM/FCN - NTVAN/FCNH2325001 ngày 03/11/2023, 0911/HĐĐM/FCN - TTKCHI/FCNH2325001 ngày 09/11/2023, 0711/HĐĐM/FCN - TTHIEU/FCNH2325001 ngày 07/11/2023, 1811/HĐĐM/FCN - PSI/FCNH2325001 ngày 18/11/2023, 0712/HĐĐM/FCN - NNDUNG/FCNH2325001 ngày 07/12/2023, 1112/HĐĐM/FCN - NTTHANG/FCNH2325001 ngày 11/12/2023, 1212/HĐĐM/FCN - NTTHANG/FCNH2325001 ngày 12/12/2023, 1412/HĐĐM/FCN - TTKCHI/FCNH2325001 ngày 14/12/2023, 1412A/HĐĐM/FCN - TTKCHI/FCNH2325001 ngày 14/12/2023, 1412B/HĐĐM/FCN - NATUAN/FCNH2325001 ngày 14/12/2023, 1512/HĐĐM/FCN - TNANH/FCNH2325001 ngày 15/12/2023, 1512A/HĐĐM/FCN - HTHYEN/FCNH2325001 ngày 15/12/2023, 2012/HĐĐM/FCN - LMQUANG/FCNH2325001 ngày 20/12/2023, 2112/HĐĐM/FCN - HBHUYEN/FCNH2325001 ngày 21/12/2023, 2112A/HĐĐM/FCN - HBHUYEN/FCNH2325001 ngày 21/12/2023, 2212/HĐĐM/FCN - NDLIEN/FCNH2325001 ngày 22/12/2023, 2612/HĐĐM/FCN - NATUAN/FCNH2325001 ngày 26/12/2023, 2612A/HĐĐM/FCN - HBHUYEN/FCNH2325001 ngày 26/12/2023, 2812/HĐĐM/FCN - QVBINH/FCNH2325001 ngày 28/12/2023, 2812A/HĐĐM/FCN - HBHUYEN/FCNH2325001 ngày 28/12/2023, 3112/HĐĐM/FCN - HBHUYEN/FCNH2325001 ngày 30/6/2024 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Các cá nhân (Nhà đầu tư); Trái phiếu được phát hành cho các nhà đầu tư dưới hình thức chào bán riêng lẻ. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng. Số lượng trái phiếu phát hành 1.500 trái phiếu kỳ hạn 18 tháng; Kỳ tính lãi 03 tháng một lần; Biện pháp bảo đảm: Cổ phần của Công ty Cổ phần FECON, cổ phần của tổ chức phát hành tại Công ty Cổ phần FECON SOUTH (FCS), Công ty Cổ phần Năng lượng FECON (FCP), Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO (FRU), Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (FCI).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(22) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20241021/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2426001 ngày 21/10/2024, 21102024/HĐĐM/FCN-JBSV/FCNH2426001 ngày 21/10/2024, 2110/HĐĐM/FCN-NGODUYHIEN/FCNH2426001 ngày 21/10/2024, 2110/HĐĐM/FCN-NGUYENTHANHHAI/FCNH2426001 ngày 21/10/2024, 2110/HĐĐM/FCN-NGUYENVIETHOANG/FCNH2426001 ngày 21/10/2024, 2110/HĐĐM/FCN-TAOMPIETDUNG/FCNH2426001 ngày 21/10/2024, 2410/HĐĐM/FCN-TRINHTHEPHUONG/FCNH2426001 ngày 24/10/2024 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Các cá nhân, Công ty chứng khoán (Nhà đầu tư); Trái phiếu được phát hành cho các nhà đầu tư dưới hình thức chào bán riêng lẻ. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng. Số lượng trái phiếu phát hành là 1.200 trái phiếu kỳ hạn 18 tháng; Kỳ tính lãi 03 tháng một lần; Biện pháp bảo đảm: Cổ phần của Công ty Cổ phần FECON (FCN), Công ty Cổ phần Năng lượng FECON (FCP) và Cổ phần của Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO (FRU).

(23) Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2024 là: 1.935.768,86 USD.

(24) Hợp đồng vay tiền số 0810/2019/HĐ-KT.FECON ngày 11/5/2020 giữa ông Trần Ngọc Dương (Tư cách là bên cho vay) và Công ty Cổ phần FECON; Số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay ban đầu 24 tháng; thời hạn gia hạn: 36 tháng; phương thức trả lãi vào ngày 20 hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Cam kết của bên vay: Bên vay bảo đảm bằng mọi biện pháp, bao gồm tất cả và toàn bộ số dư tài khoản tại ngân hàng, các tài sản (bao gồm bất động sản và động sản) mà bên vay là chủ sở hữu hợp pháp, bất kể ở thời điểm hiện tại và tương lai để hoàn trả khoản vay/hoặc các tài khoản tiền mà bên vay.

(25) Hợp đồng số 01/2022/3993901/HĐTD ngày 28/4/2022 giữa Công ty Cổ phần Fecon Phố Yên với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền cấp tín dụng: 188.849,78 USD. Mục đích: Thanh toán L/C theo hợp đồng 202201/FICI-BG ngày 20/01/2022 giữa Công ty cổ phần Hạ tầng FECON và Betterground Limited, đối tượng nhập khẩu là 01 bộ thiết bị thi công cọc đá gắn trên cần cầu loại BC1 theo biện pháp Bottom feed dài 21,35m, sản xuất 2020. Thời hạn vay 60 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	1.574.390.050.000	517.556.564.217	10.039.280.000	-	337.163.604.401	263.830.171	207.271.473.900	836.639.630.181	3.483.324.432.870
Tăng vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	56.740.200.000	56.740.200.000
Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	(23.954.553.795)	(23.005.817.212)	(46.960.371.007)
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(32.096.317.037)	(9.992.898.082)	(42.089.215.119)
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(78.719.502.500)	(424.940.000)	(79.144.442.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	(6.026.727.475)	-	(6.026.727.475)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	(322.496.374)	(31.424.159)	(1.336.467.303)	1.691.387.836	1.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con	-	-	-	-	10.500.766.969	-	(10.500.766.969)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	(3.062.468.900)	(294.236.191)	(3.356.705.091)
Trích thưởng Ban điều hành, HDQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(1.038.676.657)	(91.743.749)	(1.130.420.406)
Tăng khác	-	-	-	8.387.459	-	-	171.710.914	250.653.600	430.751.973
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	468.244.398	(464.589.862)	3.654.536
Số dư tại 31/12/2023	1.574.390.050.000	517.556.564.217	10.039.280.000	8.387.459	347.341.874.996	232.406.012	51.175.948.576	861.047.646.521	3.361.792.157.781

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	1.574.390.050.000	517.556.564.217	10.039.280.000	8.387.459	347.341.874.996	232.406.012	51.175.948.576	861.047.646.521	3.361.792.157.781
Tăng vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	629.000.000	629.000.000
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	52.192.266	(19.542.920.457)	(19.490.728.191)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	9.269.008.883	20.801.555.439	30.070.564.322
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con (i)	-	-	-	-	1.211.200.423	-	(1.211.200.423)	-	-
Trích quỹ khen thưởng tại công ty mẹ (i)	-	-	-	-	-	-	(1.269.562.370)	-	(1.269.562.370)
Chia cổ tức của công ty con (i)	-	-	-	-	-	-	-	(1.865.425.000)	(1.865.425.000)
Trích quỹ khen thưởng tại công ty con (i)	-	-	-	-	-	-	(1.482.449.164)	(176.371.256)	(1.658.820.420)
Phân bổ LTTM trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(220.701.459)	(220.701.459)
Tăng/giảm khác	-	-	-	(8.387.459)	-	-	4.852.102	41.289.333	37.753.976
Số dư tại 31/12/2024	1.574.390.050.000	517.556.564.217	10.039.280.000	-	348.553.075.419	232.406.012	56.538.789.870	860.714.073.121	3.368.024.238.639

(i): Phân phối lợi nhuận và trích quỹ trong năm là phần trích các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Raito Kogyo Co.,Ltd	401.676.820.000	401.676.820.000
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	160.000.000.000	160.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD	225.000.000.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	787.713.230.000	1.012.713.230.000
Tổng	1.574.390.050.000	1.574.390.050.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.574.390.050.000	1.574.390.050.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	157.439.005	157.439.005
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000



CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	141.827.156.500	540.663.546.066
Doanh thu xây lắp	2.980.370.627.045	2.060.618.496.534
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.433.275.735	120.171.567.624
Doanh thu bán điện	145.888.460.244	158.113.387.199
Doanh thu chuyển nhượng BĐS	33.617.897.205	-
Doanh thu khác	6.559.939.754	-
Tổng	3.374.697.356.483	2.879.566.997.423
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan:</i>	<i>33.972.733.011</i>	<i>14.243.183.989</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	113.638.081.129	499.030.905.607
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.693.570.895.601	1.717.368.583.036
Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.405.254.731	100.514.977.166
Giá vốn bán điện	77.768.593.833	77.413.617.794
Giá vốn chuyển nhượng BĐS	13.605.270.654	-
Giá vốn khác	967.039.932	-
Tổng	2.933.955.135.880	2.394.328.083.603

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.715.429.511	15.973.664.823
Doanh thu bán khoán đầu tư	-	2.687.153
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	10.245.596.193	734.638
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.781.060.942	2.713.693.358
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.610.000.000
Lãi ủy thác đầu tư	54.378.000.000	-
Doanh thu tài chính khác	594.395.875	1.087.747.181
Tổng	85.714.482.521	23.388.527.153
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</i>	<i>2.336.383.561</i>	<i>1.161.808.219</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	214.558.628.900	259.892.439.574
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	16.615.171.477
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	174.399.263	162.238.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	10.814.678.433	5.132.704.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.318.751.183	1.527.680.554
Chi phí tài chính khác	4.289.681.842	3.996.489.610
Tổng	232.156.139.621	287.326.724.280
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí tài chính với các bên liên quan: (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	13.503.537.397	-

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí bán hàng	25.909.538.516	20.805.481.640
Chi phí nhân viên quản lý	16.452.391.830	14.227.665.904
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.986.506	64.871.491
Chi phí khấu hao TSCĐ	182.263.175	129.724.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.376.638.494	964.189.735
Chi phí bằng tiền khác	4.836.258.511	5.419.030.225
Chi phí quản lý doanh nghiệp	211.357.170.803	209.250.376.902
Chi phí nhân viên quản lý	143.140.622.089	130.699.412.639
Chi phí vật liệu quản lý	2.064.653.411	1.728.610.722
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.470.121.308	5.236.118.660
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.736.599.073	6.985.554.525
Thuế phí và lệ phí	3.595.674.667	3.634.276.141
Chi phí dự phòng	221.880.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.890.366.653	41.166.188.551
Chi phí bằng tiền khác	12.738.364.019	12.300.572.596
Phân bổ Lợi thế thương mại	6.498.889.583	7.499.643.068
Tổng	237.266.709.319	230.055.858.542

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.6 Thu nhập khác /Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư, CCDC	5.027.021.920	7.395.557.420
Thu tiền bồi thường, phạt vi phạm	13.055.192.661	144.190.835
- Thu GE đền bù không phát đủ sản lượng theo Hợp đồng	10.423.800.000	-
- Các khoản thu bồi thường, vi phạm khác	2.631.392.661	144.190.835
Thu nhập từ thưởng vượt mức, hoàn thành kế hoạch	557.868.405	421.297.946
Thu từ hội nghị Geotech	-	4.996.752.965
Thu nhập khác	557.815.279	517.601.359
Tổng	19.197.898.265	13.475.400.525
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, chi phí thanh lý tài sản	9.875.026.536	2.193.559.059
Giá trị còn lại của CCDC thanh lý, chi phí thanh lý	684.860.309	2.236.050.992
Phạt vi phạm hợp đồng	4.450.568.271	6.523.565.024
Chi phí sử dụng chung đường dây truyền tải điện nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	-	248.174.384
Chi từ hội nghị Geotech	-	6.191.093.918
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	4.840.589.113	3.266.438.232
Chi phí khác	1.596.184.483	2.236.085.610
Tổng	21.447.228.712	22.894.967.219
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(2.249.330.447)	(9.419.566.694)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	30.286.630.827	23.818.270.837
Tổng	30.286.630.827	23.818.270.837

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND Trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.070.564.322	(42.089.215.119)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.801.555.439	(9.992.898.082)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(2.752.011.534)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty mẹ và các Công ty con (i)</i>	-	(2.752.011.534)
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.269.008.883	(34.848.328.571)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	157.439.005	157.439.005
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	59	(221)

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được phân bổ để trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Quyết định cuối cùng thuộc về Đại hội đồng cổ đông của Công ty, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023 được trình bày lại do trong năm 2024, Công ty và các Công ty con thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 để trích quỹ khen thưởng phúc lợi, việc thay đổi cụ thể như sau:

	Năm 2023 VND Đã trình bày	Năm 2023 VND (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(42.089.215.119)	(42.089.215.119)	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(9.992.898.082)	(9.992.898.082)	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(2.752.011.534)	(2.752.011.534)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty mẹ và các Công ty con</i>	-	(2.752.011.534)	(2.752.011.534)
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(32.096.317.037)	(34.848.328.571)	(2.752.011.534)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	157.439.005	157.439.005	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(204)	(221)	(17)

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.306.164.740.494	1.324.181.325.456
Chi phí nhân công	354.692.849.704	338.126.167.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.534.572.341	161.567.918.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.153.751.582	706.996.510.708
Chi phí khác bằng tiền	1.075.962.190.908	46.614.867.618
Lợi thế thương mại	6.498.889.583	7.499.643.068
Tổng	3.832.006.994.612	2.584.986.432.482

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Raito Kogyo Co.,Ltd	Cổ đông lớn
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Công ty liên kết
Công ty cổ phần FECON Miltec	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần GF Land Bắc Ninh	Công ty liên kết

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này

Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Điều hành, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	17.674.980.150	17.693.224.451
Tổng		17.674.980.150	17.693.224.451

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong đó, chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	2.443.314.567	2.148.804.504
Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	1.530.000.000	1.350.000.000
Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	1.433.674.640	1.230.471.916
Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT độc lập (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	604.444.440	533.333.328
Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 26/4/2024)	177.777.776	533.333.328
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	906.666.668	800.000.000
Nguyễn Thị Nghiênn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/4/2024)	198.399.999	1.525.609.912
Hà Cửu Long	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	426.666.664	-
Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	562.902.377	-

Lương, thù lao của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	1.524.880.473	1.330.419.935
Nguyễn Tiến Thành	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	453.333.332	288.461.997
Trần Công Tráng	Thành viên	-	133.333.332
Trương Văn Bình	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 26/4/2024)	371.675.000	551.248.110

Lương, thù lao của Ban Điều hành

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	1.839.027.694	1.312.289.621
Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/7/2024)	1.155.000.000	2.046.901.231
Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	1.674.917.673	1.701.754.825
Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/10/2023)	-	758.885.707
Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2023)	-	70.000.000
Trần Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	545.230.770	-
Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	1.827.068.077	1.378.376.705

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		63.834.757.041	27.144.205.389
Công ty cổ phần FECON Hoà Yên	Công ty liên kết	52.073.190.360	15.382.638.708
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Công ty liên kết	11.761.566.681	11.761.566.681
Trả trước cho người bán		71.371.000	71.371.000
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty liên kết	71.371.000	71.371.000
Phải thu ngắn hạn khác		380.284.046.140	377.729.229.598
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Công ty liên kết	9.202.205	9.202.205
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	10.794.602.735	9.620.027.393
Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	Công ty liên kết	2.241.200	-
Ông Muôn Văn Chiến	Người quản lý của Công ty con	142.945.000.000	177.900.000.000
Ông Phùng Tiến Trung	Người quản lý của Công ty con	226.533.000.000	190.200.000.000
Phải thu về cho vay		27.749.060.000	27.749.060.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết	23.300.000.000	23.300.000.000
Công ty cổ phần FECON Miltec	Công ty liên kết	4.449.060.000	4.449.060.000
Phải trả khác		13.562.666.164	59.128.767
Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty liên kết	13.562.666.164	59.128.767
Vay ngắn hạn		195.090.000.000	197.740.000.000
Công ty cổ phần FECON Hoà Yên	Công ty liên kết	195.090.000.000	197.740.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng		33.972.733.011	14.243.183.989
Công ty cổ phần FECON Hoà Yên	Công ty liên kết	33.972.733.011	14.243.183.989
Lãi cho vay		2.336.383.561	1.161.808.219
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	2.336.383.561	1.161.808.219
Lãi vay		13.503.537.397	-
Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty liên kết	13.503.537.397	-
Trả nợ gốc vay		2.650.000.000	1.150.000.000
Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty liên kết	2.650.000.000	1.150.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Thu Trang

Phạm Văn Tùng

Phạm Việt Khoa

